



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM  
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2.2.6./TMDK-VP

Tp. HCM, ngày 24 tháng 4 năm 2019

## CÔNG BỐ THÔNG TIN 24H

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

### I- GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12, Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. Điện thoại: 84.28.54112323 Fax: 84.28.54112332

### II- NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim JSC) xin công bố thông tin “Báo cáo thường niên năm 2018” của Công ty.

Nơi nhận:

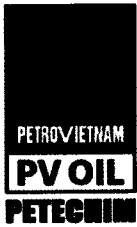
- Như trên;
- Lưu: VT, VP, NTKT-03

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Bích Hà



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ (PETECHIM JSC)**  
**NĂM 2018**

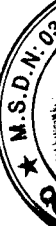
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim xin gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước “**Báo cáo thường niên năm 2018**” của Petechim như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ  
PETROLEUM TRADING JOINT STOCK COMPANY  
PETECHIM JSC**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0305447723.
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ Việt Nam đồng).
- Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-28) 54112323
- Số fax: (84-28) 54112332
- Email: [contacts@petechim.com.vn](mailto:contacts@petechim.com.vn); [info@petechim.com.vn](mailto:info@petechim.com.vn)
- Website: [www.petechim.com.vn](http://www.petechim.com.vn)
- Mã cổ phiếu: PTV
- Sàn giao dịch: ĐCCNY
- Quá trình hình thành và phát triển:
  - Thương hiệu Petechim chính thức ra đời từ năm 1981 với vai trò là nhà cung cấp thiết bị, vật tư, máy móc cho ngành dầu khí non trẻ của Việt Nam. Đến năm 1994, Petechim được chuyển giao cho PetroVietnam với tên gọi là Công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và trở thành một trong những nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật, thương mại và cung ứng thiết bị, vật tư, máy móc cũng như các công trình đồng bộ hàng đầu của Việt Nam.
  - Công ty Thương mại Dầu khí, tên giao dịch viết tắt là “Petechim”, được thành lập theo Quyết định số 1212/DK-TCNS ngày 05/10/1994 hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Tổng công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - PetroVietnam).



- Ngày 27/09/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 215/2006/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty Thương mại Dầu khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Ngày 11/10/2007, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành Quyết định số 3458/QĐ-DKVN về việc “Thành lập Công ty mẹ Tổng công ty Thương mại Dầu khí” với công ty mẹ là Tổng công ty Thương mại Dầu khí và công ty con là các công ty trực thuộc và các công ty có vốn góp của Tổng công ty Petechim.

Theo đó, Hội đồng Thành viên Tổng công ty Thương mại Dầu khí đã ban hành Quyết định số 459/QĐ-TMDK về việc “Thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim” trên cơ sở sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Phòng Kinh doanh Tổng hợp, Phòng Đại lý Giao nhận và Phòng Nhập của Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim).

**Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim (tên giao dịch viết tắt là Petechim Servimex) có 51% vốn góp của Tổng công ty Thương mại Dầu khí, sau khi được thành lập kế thừa toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí của Tổng công ty Petechim.**

Tiếp tục tiến trình sắp xếp các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ngày 06/06/2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành quyết định hợp nhất Tổng công ty Thương mại Dầu khí (Petechim) và Công ty Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC) thành công ty TNHH MTV Tổng công ty Dầu Việt Nam (tên giao dịch viết tắt là PV Oil).

- Sau khi thành lập PV Oil, thương hiệu Petechim chính thức được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí Petechim. Ngày 28/10/2008, Petechim Servimex chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim.

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Petechim là đơn vị kế thừa toàn bộ các hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và dịch vụ dầu khí cũng như thương hiệu của Tổng công ty Thương mại Dầu khí Petechim trước đây. Công ty Petechim tiếp tục phát triển với chủ trương đa dạng hóa các loại hình kinh doanh, mở rộng phân khúc thị trường từ lĩnh vực thượng nguồn (upstream) sang lĩnh vực hạ nguồn (downstream) của ngành dầu khí và hướng đến phục vụ các ngành công nghiệp khác.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong hai năm 2017 và 2018:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: Mua bán thiết bị, vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm	4669

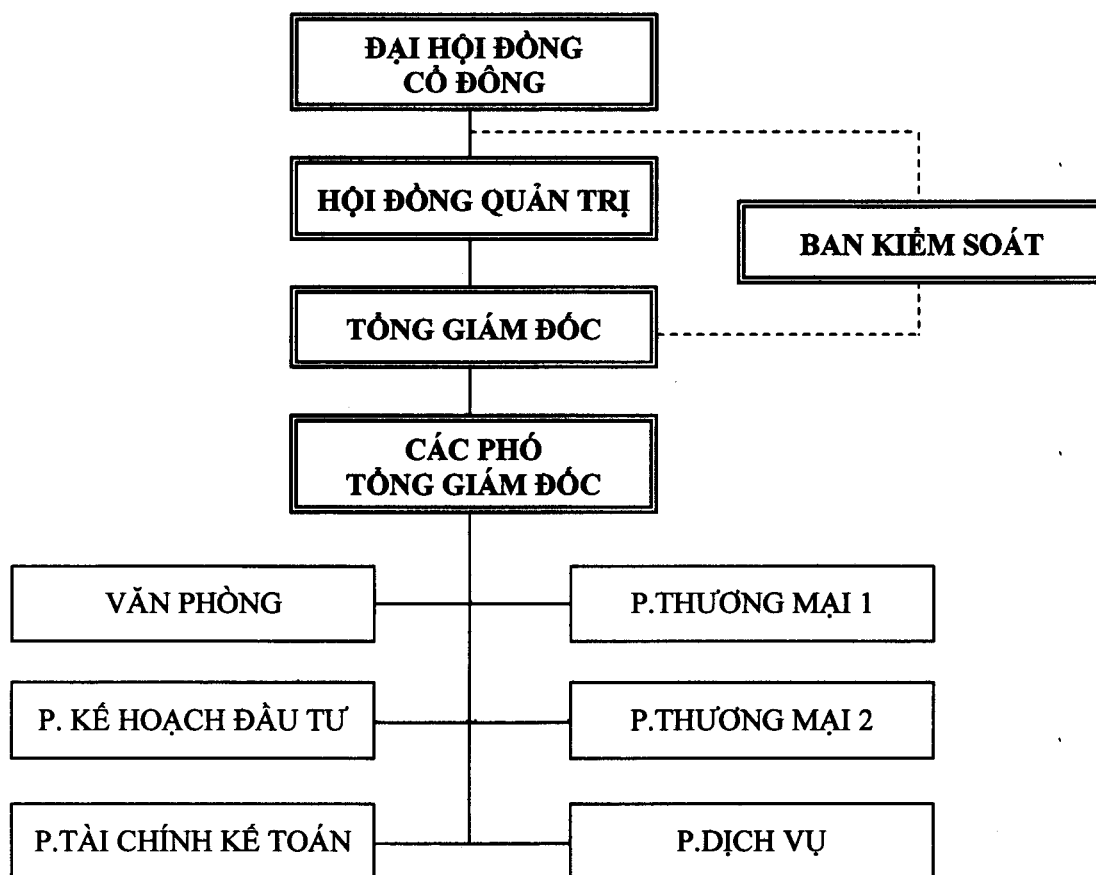
STT	Tên ngành	Mã ngành
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý vận tải biển. Dịch vụ đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển.	5229
3	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - chi tiết: Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
4	Đại lý, môi giới, đấu giá - chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở)	4610
5	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7	Lập trình máy vi tính	6201
8	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
11	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9511
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810
13	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hóa lỏng; dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế (không hoạt động tại trụ sở).	4661

- Địa bàn kinh doanh: Tầng 11, Tòa nhà Petroland, Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm có:
  - Đại hội đồng cổ đông;
  - Hội đồng quản trị;
  - Ban kiểm soát;
  - Tổng Giám đốc điều hành.
- Mô hình quản trị:





- Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty con:**
  - + Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC)
  - + Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)
- **Công ty liên kết:**
  - + Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí (PVLSC)
  - + Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV Oil Sài Gòn)
  - + Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ)
  - + Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung (PV Oil Miền Trung)

(Chi tiết xin xem Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo này)

#### 4. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim) trong giai đoạn tới là: Tập trung vào các lĩnh vực hoạt động gắn liền với chiến lược/định hướng phát triển của ngành Dầu khí và Tập đoàn Sovico Holdings với mục tiêu hàng đầu là bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận, vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông, vừa đảm bảo thu nhập cho người lao động, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của từng cá nhân với sự phát triển bền vững của Công ty.

#### 5. Các rủi ro:

- Nền kinh tế thế giới và trong nước tuy đang trên đà phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ biến động mạnh.
- Xuất hiện nguy cơ biến động tỷ giá của tiền đồng Việt Nam so với các đồng ngoại tệ khác.

- Giá dầu chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh trở lại, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trong và ngoài nước.
- Mục tiêu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc tăng trưởng hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí sẽ tạo áp lực đáng kể cho các doanh nghiệp trong ngành.
- Một số hoạt động kinh doanh triển khai theo hình thức dự án gặp vướng mắc, tồn đọng nhất định trong giai đoạn vừa qua gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, tạo tâm lý e ngại cho khách hàng khi giao các dự án lớn cho Petechim thực hiện.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty chưa có hoạt động cốt lõi, chưa liên kết được độc quyền, làm đại lý với các nhà cung cấp, nhà sản xuất lớn trên thế giới.
- Hoạt động đầu tư của Công ty chưa hiệu quả, chưa tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Thuận lợi:
  - Giá trị thương hiệu Petechim trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ dầu khí tại Việt Nam.
  - Công ty Petechim nhận được sự ủng hộ nhiều mặt từ các cổ đông lớn như nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings, Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) và sự hợp tác của các đối tác/khách hàng truyền thống cũng như các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước.
  - Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Petechim đã xác định lại định hướng chiến lược là mở rộng lĩnh vực hoạt động, đa dạng hoá các loại hình kinh doanh với cốt lõi là phục vụ ngành dầu khí để tạo bước đột phá nhằm cải thiện kết quả kinh doanh kém hiệu quả do bó hẹp trong hoạt động thương mại thuần túy, khiến lợi nhuận thu được không đủ để trang trải chi phí và tạo tích lũy cho sự phát triển của công ty.
- Khó khăn: Năm 2018 Petechim phải đối mặt những khó khăn thách thức lớn nhất từ trước đến nay như sau:
  - Trong ngành dầu khí, các dự án mới hoãn hoặc chậm triển khai, quy mô đầu tư bị thu hẹp, kinh phí mua sắm thường xuyên của khách hàng bị cắt giảm tới mức tối đa.
  - Phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt của những đối thủ lớn trong và ngoài nước.
  - Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Petechim là thương mại thuần túy với hàm lượng kỹ thuật và công nghệ nhỏ, không có hoạt động cốt lõi/đặc thù nên lợi nhuận thấp.
  - Các tồn đọng, nợ xấu kéo dài nhưng không được xử lý và trích lập dự phòng tài chính kịp thời từ những năm trước khiến Công ty liên tục phải gánh thêm các khoản lỗ lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD và dẫn đến lỗ lũy kế đến cuối năm 2018.
  - Việc giải quyết các công nợ, tồn đọng đòi hỏi phải tiêu tốn nguồn lực nhất định, ảnh hưởng nặng nề cả về kinh tế và uy tín của Công ty cũng khiến cho việc tiếp tục giao dịch với đối với khách hàng / đối tác gặp nhiều khó khăn.
  - Sự hạn chế về nguồn lực con người, tình trạng chảy máu chất xám, đặc biệt là sự thiếu hụt nhân sự chất lượng cao cùng với việc Công ty không có cơ sở vật chất, kho tàng, nhà xưởng, trang thiết bị máy móc, công nghệ đã hạn chế năng lực cạnh tranh và làm giảm cơ hội kinh doanh của Petechim so với các đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực.

- Báo cáo tài chính trong năm ghi nhận kết quả lỗ làm giảm sút uy tín của Công ty đối với các ngân hàng, gây khó khăn rất lớn cho việc tái cấp hạn mức tín dụng cũng như các hoạt động bảo lãnh, giải ngân trong thời gian tới.
- Kết quả thực hiện SXKD hợp nhất năm 2018 của Công ty Petechim như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% so với KH năm 2018
1	Doanh thu BH&CCDV	973,000	544,058.17	55.92%
2	Tổng chi phí	60,875	55,574.10	91.29%
3	Lợi nhuận trước thuế	18,125	- 26,782.68	-147.77%
4	Lợi nhuận sau thuế	14,500	- 28,675.46	-197.76%

*(Số liệu tính đến hết 31/12/2018 theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2018)*

Về doanh thu: Trong năm 2018 Công ty Petechim đạt được doanh thu là 544,06 tỷ đồng, đạt 55,92% kế hoạch năm, và bằng 68.65% so với cùng kỳ năm 2017 (792.47 tỷ đồng).

Về lợi nhuận: Trong năm 2018, lợi nhuận trước thuế Công ty Petechim lỗ 26.78 tỷ đồng (bao gồm cả lỗ kinh doanh và lỗ do giải quyết các nợ xấu, tồn đọng).

## 2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:
  - Bà **Đỗ Thị Bích Hà** – Tổng giám đốc  
Sinh ngày: 20 – 11 – 1970  
Số CCCD: 023668904 cấp ngày 30 – 7 – 2011 tại Tp. Hồ Chí Minh.  
Trình độ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
  - Ông **Trần Mạnh Hùng** – Phó Tổng giám đốc.  
Sinh ngày: 13 – 09 – 1963.  
Số CMND: 023185805 cấp ngày 24 – 05 – 2002 tại Tp. Hồ Chí Minh.  
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế Vận tải biển
  - Bà **Nguyễn Ngọc Anh** – Kế toán trưởng  
Sinh ngày: 27 – 02 – 1982  
Số CMND: 273099232 cấp ngày 25 – 09 – 2010 tại Vũng Tàu.  
Trình độ: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
- Những thay đổi trong Ban điều hành: Có thay đổi
  - Ông **Hoàng Dương** – thôi giữ chức Tổng Giám đốc và chuyển sang giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách kể từ ngày 23/4/2018, và
  - Bà **Đỗ Thị Bích Hà** – Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm giữ chức Tổng Giám đốc kể từ ngày 23/4/2018.
- Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2018: 43 người
- Chính sách đối với người lao động:
  - Tóm tắt chính sách:
    - + Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng lao động đúng chuyên môn, nghiệp vụ và phù hợp với nhu cầu công việc; người lao động có việc làm thường xuyên, ổn định và được giao kết hợp đồng lao động đầy đủ, đúng quy định của Luật Lao động; người lao động khi nghỉ việc tại Công ty nếu đủ

điều kiện theo quy định của Nhà nước đều được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc (cứ mỗi năm làm việc tại Công ty là nửa tháng lương).

+ Công ty thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo hình thức đào tạo nội bộ hoặc đào tạo ngắn hạn bên ngoài bằng nguồn kinh phí đào tạo của Công ty trên cơ sở bình đẳng, công khai, đào tạo đúng đối tượng;

+ Công ty thực hiện chính sách trả lương, thưởng cho người lao động dựa trên nguyên tắc phân phối theo lao động, phụ thuộc vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động thể hiện ở vị trí công việc đảm nhận, mức độ chịu trách nhiệm trong đơn vị nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; Tiền lương và thu nhập của người lao động được trả đầy đủ, đúng hạn. Việc nâng bậc lương cho người lao động hàng năm được thực hiện theo đúng quy định.

+ Người lao động ký hợp đồng lao động chính thức được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; được tham gia khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm;

+ Các chính sách khác: Công ty trích từ Quỹ phúc lợi để thưởng cho người lao động vào các ngày lễ trong năm; lao động nữ sinh con, nghỉ thai sản; sinh nhật; hiếu hỷ; trợ cấp nằm viện...

- Thay đổi chính sách đối với người lao động năm 2018:  
Công ty tiếp tục thực hiện việc mua bảo hiểm PVI Care cho người lao động năm 2018 với Công ty Bảo hiểm Dầu khí PVI Vũng Tàu, nhằm phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh của CBNV với trách nhiệm và quyền lợi cao, đặc biệt bảo vệ người lao động trong các trường hợp rủi ro như: tử vong, tàn tật, tai nạn, nằm viện, phẫu thuật...

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2018, Công ty Petechim đã đầu tư cổ phiếu dài hạn 37,027 tỷ đồng vào 251.400 cổ phiếu VJC (bao gồm cổ tức 41.900 cổ phiếu).

- Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị tính: VNĐ đồng

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu	
1	Đầu tư vào công ty con	<b>CÔNG TY CP TM NẮNG LƯỢNG XANH</b> Ngày góp vốn: 23/09/2012 Người đại diện: 1. Đỗ Thị Bích Hà (Tổng giám đốc); 2. Nguyễn Quang Trung (Trưởng BKS)	Vốn điều lệ	20.000.000.000
			Vốn Petechim góp	9.526.687.800
			Tỉ lệ sở hữu	51%
			Doanh thu 2018	316.692.861.182
			Lợi nhuận sau thuế 2018	2.195.113.885
			Tỉ lệ chia cổ tức 2018	9,55%
2		<b>Công ty CP CNTT, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)</b>	Vốn điều lệ	42.352.900.000
			Vốn Petechim góp	21.960.000.000
			Tỉ lệ sở hữu	51,85%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Các chỉ tiêu		
		<i>Ngày góp vốn:</i> 31/12/2013 <i>Người đại diện: 1. Đỗ Thị Bích Hà (Tổng giám đốc);</i> 2. Nguyễn Quang Trung (Trưởng BKS)	Doanh thu 2018	94.038.867.287	
			Lợi nhuận sau thuế 2018	876.117.682	
			Tỉ lệ chia cổ tức 2018	2%	
3	<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<b>CÔNG TY CP HẬU CÀN DẦU KHÍ PETECHIM</b> <i>Ngày góp vốn:</i> 24/11/2009 <i>Người đại diện: Trần Mạnh Hùng (Phó Tổng giám đốc)</i>	Vốn điều lệ	30.000.000.000	
			Vốn Petechim góp	2.500.000.000	
			Tỉ lệ sở hữu	8,33%	
			Doanh thu 2018	24.742.783.240	
			Lợi nhuận sau thuế 2018	-2.375.090.017	
			Tỉ lệ chia cổ tức 2018	0%	
4			<b>Công ty CP Xăng Dầu DK Sài Gòn</b> <i>Ngày góp vốn:</i> 14/02/2011 <i>Người đại diện: Trần Mạnh Hùng (Phó Tổng giám đốc)</i>	Vốn điều lệ	200.000.000.000
				Vốn Petechim góp	11.000.000.000
				Tỉ lệ sở hữu	5,50%
				Doanh thu 2018	4.100.095.632.041
				Lợi nhuận sau thuế 2018	5.100.821.169
				Tỉ lệ chia cổ tức 2018	0%
5			<b>Công ty CP SX&amp;Chế biến DK Phú Mỹ</b> <i>Ngày góp vốn:</i> 22/03/2011 <i>Người đại diện: Trần Mạnh Hùng (Phó tổng giám đốc)</i>	Vốn điều lệ	500.000.000.000
				Vốn Petechim góp	10.000.000.000
				Tỉ lệ sở hữu	2%
				Doanh thu 2018	132.404.157.731
				Lợi nhuận sau thuế 2018	1.666.204.723
				Tỉ lệ chia cổ tức 2018	0%
6		<b>Công ty CP Xăng dầu DK Miền Trung</b> <i>Ngày góp vốn:</i> 09/11/2011 <i>Người đại diện: Trần Mạnh Hùng (Phó Tổng giám đốc)</i>	Vốn điều lệ	140.000.000.000	
			Vốn Petechim góp	3.000.000.000	
			Tỉ lệ sở hữu	2,14%	
			Doanh thu 2018	3.147.785.744.002	
			Lợi nhuận sau thuế 2018	12.180.801.408	
			Tỉ lệ chia cổ tức 2018	5%	
		<b>TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>57.986.690.000 VNĐ</b>		

- Trong 4 công ty liên kết, Petechim chủ trương thoái vốn dứt điểm khỏi PVLSC vì Công ty này hầu như không còn hoạt động bằng cách chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đã góp vào PVLSC với giá 1 đồng. Đối với 03 công ty liên kết còn lại, Petechim sẽ tiếp tục xem xét khả năng duy trì hoạt động hoặc thoái vốn tại các thời điểm phù hợp.

#### 4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tăng/ giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	477.403.120.817	426.349.905.272	Tăng 11,9%
Doanh thu thuần	544.058.172.071	792.474.781.956	Giảm 31,35%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(22.470.086.429)	1.641.145.107	Giảm 1469,17%
Lợi nhuận khác	(3.718.825.688)	2.830.257.814	Giảm 231,40%
Lợi nhuận trước thuế	(26.782.684.621)	3.706.245.512	Giảm 822,64%
Lợi nhuận sau thuế	(28.675.461.784)	1.639.979.303	Giảm 1.848,53%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	2018	2017
<b>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>		
HS thanh toán nhanh	1,66	1,97
HS thanh toán hiện thời	2,00	2,50
<b>Chỉ tiêu cơ cấu tài chính</b>		
Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản	48,67%	35,62%
Tỷ suất tự tài trợ nợ = Nợ phải trả/VCSH	94,84	54,62
<b>Chỉ tiêu năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay khoản phải thu	3,61	6,88
Kỳ thu tiền bình quân	101,09	53,02
Số vòng quay hàng tồn kho	9	11
Số ngày tồn kho	42	33
<b>Khả năng sinh lời</b>		
LN gộp biên = Lợi nhuận gộp /doanh thu thuần	5,29%	5,71%
ROS = Lợi nhuận ròng/doanh thu thuần	-	0,21%

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần:
  - Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng Việt Nam
  - Tổng số cổ phần: 20.000.000 Cổ phần
  - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
  - Tổng số cổ đông tính đến ngày 20/03/2019: 2.818 cổ đông.
- Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông nắm trên 5%:

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	VNĐ	58.000.000.000	29,00%
2	Công ty CP Đầu tư và XD Trảng An	VNĐ	46.200.000.000	23,10%

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ
3	Dương Công Ái	VNĐ	33.800.000.000	16,90%
4	Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. HCM (HDBank)	VNĐ	22.000.000.000	11,00%
<b>Tổng cộng</b>			<b>160.000.000.000</b>	<b>80,00%</b>

**Danh sách cổ đông sáng lập:**

STT	Cổ đông	ĐVT	Vốn góp	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	VNĐ	14.500.000.000	29,00%
2	Võ Khánh Hưng (đại diện cho CBNV PV Oil)	VNĐ	7.630.000.000	15,26%
3	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại Nhật Việt	VNĐ	3.370.000.000	6,74%
4	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	VNĐ	2.500.000.000	5,00%
<b>Tổng cộng</b>			<b>28.000.000.000</b>	<b>56,00%</b>

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

- Quản lý nguồn nguyên vật liệu
  - Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có, do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.
  - Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.
- Tiêu thụ năng lượng
  - Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
  - Công ty hoạt động chính tại Trụ sở nên việc tiêu thụ năng lượng chủ yếu là điện phục vụ cho văn phòng. Hiện tại Công ty sử dụng tất cả các thiết bị tiêu thụ tiết kiệm điện nên việc sử dụng điện vào khoảng 2.500 kwh/tháng.
  - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
  - Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không
- Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)
  - Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không sử dụng cho hoạt động kinh doanh, chỉ sử dụng cho sinh hoạt với mức tiêu thụ không đáng kể.
  - Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
  - Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
  - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Chính sách liên quan đến người lao động
  - Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động bình quân trong năm là 48 người; mức lương trung bình là 10 triệu đồng/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty tuân thủ nghiêm túc Bộ luật Lao động và các chính sách về an toàn, bảo hiểm... nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người lao động. Công ty đã được cấp chứng nhận về hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo OHSAS 18001:2007 từ tháng 01/2016.
- Hoạt động đào tạo người lao động: Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo khi được tuyển dụng theo hướng kèm cặp trực tiếp.
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã tham gia các hoạt động từ thiện như ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai trong năm, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ trẻ tự kỷ và khuyết tật...
- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Nhìn lại chặng đường hoạt động trong năm 2018, Công ty Petechim tự đánh giá các kết quả đạt được như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất năm 2018 đạt 544.06 tỷ đồng, tương đương 55.92% kế hoạch năm và lợi nhuận trước thuế Công ty Petechim lỗ 26,78 tỷ đồng, giảm 147.77% so với kế hoạch doanh thu cả năm.
- Nguyên nhân không đạt kế hoạch là do Công ty Petechim phải đương đầu với những khó khăn:
  - Khách quan:
    - +Do các dự án mới hoãn thực hiện hoặc chậm triển khai nên Công ty không có cơ hội ký kết được các HĐ lớn như đề ra trong kế hoạch năm 2018 trong khi các HĐ chuyển từ năm trước sang hầu như không đáng kể.
    - +Do áp lực phải tiết kiệm chi phí nên hầu hết các khách hàng truyền thống đều cắt giảm tối đa kinh phí mua sắm thường xuyên dẫn đến suy giảm mạnh của Petechim cả về số lượng và giá trị các đơn hàng so với cùng kỳ năm trước.
    - +Mức độ cạnh tranh rất khốc liệt nên dù Công ty thắng thầu nhưng lợi nhuận không cao.
  - Chủ quan:
    - +Petechim còn hạn chế về năng lực cạnh tranh nên xác suất thành công thấp: chỉ trúng được 39 trên tổng số 140 dự án/đơn hàng tham gia đấu thầu (tương đương 28%).
    - +Công ty chủ động hạn chế tham gia và ký kết các hợp đồng mới với nhóm công ty thuộc PVC cho đến khi quyết toán và thanh lý xong các HĐ đã ký trước đây hoặc tạm dừng cho đến khi tình hình tài chính của khách hàng khả quan hơn để đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn, tránh bị chiếm dụng vốn kinh doanh hoặc bị lỗ do phát sinh chi phí tài chính.
    - +Ngoài lợi nhuận ít ỏi từ các hợp đồng thương mại thì việc phải bù đắp các khoản lỗ lớn khi thanh lý hàng tồn kho và xử lý tồn đọng, trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá đầu tư khiến Công ty không thể tránh khỏi tình trạng lỗ lũy kế cả năm.



+ Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại đơn thuần với các khách hàng truyền thống thuộc ngành dầu khí, phải chịu sự cạnh tranh gay gắt, lợi nhuận thấp trong khi các mảng kinh doanh mới đang trong giai đoạn hình thành và chưa thể mang lại kết quả ngay trong năm 2018.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty Petechim cùng với tất cả các CBCNV Công ty luôn nỗ lực để vượt qua được giai đoạn khó khăn này nhằm phát huy được uy tín của thương hiệu Petechim trên thị trường; giữ vững được thị trường truyền thống, đồng thời mở ra những lĩnh vực kinh doanh mới do Công ty làm chủ công nghệ và tiếp tục đổi mới có hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phát huy được những thế mạnh của mô hình công ty cổ phần.

## **2. Tình hình tài chính**

- Tình hình tăng trưởng:
  - Doanh thu Công ty năm 2018 bị giảm sút, đạt 544.06 tỷ VNĐ giảm 31,35% so với năm 2017. Trong đó doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ giảm 2,11% và doanh thu cung cấp chất phụ gia xăng dầu giảm 43,47% so với cùng kì.
  - Quy mô tổng tài sản tăng so với năm 2017, tăng 11,97%. Trong đó chỉ tiêu các khoản phải thu tăng 35,96% so với cùng kì.
- Tình hình thanh khoản: Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đang là 2,0 và được duy trì trên mức 1,0 trong 2 năm liên tiếp. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cũng ở mức tương tự trong khoảng 1,66 đến 1,97. Điều này cho thấy Công ty có lượng tiền mặt ổn định, đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn (dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kì kinh doanh).
- Năng lực hoạt động: Các chỉ tiêu số ngày thu tiền bình quân và số ngày tồn kho tăng lên đáng kể so với cùng kì. Cụ thể:
  - Số ngày phải thu đang ở mức 103 ngày tăng 50 ngày so với năm 2017. Chỉ tiêu này cho thấy việc quản lý công nợ của công ty chưa được tốt. Công ty đang có chính sách bán hàng phù hợp cho từng đối tác nhằm đảm bảo việc thu hồi công nợ một cách nhanh nhất.
  - Chỉ tiêu số ngày tồn kho tăng 9 ngày so với cùng kỳ, nhưng không đáng kể.
- Khả năng sinh lời:
  - Lợi nhuận gộp biên năm 2018 giảm 0,42% so với năm 2017. Do tỷ trọng giá vốn/doanh thu cũng giảm tương ứng từ 94,71% lên 94,29% trong năm 2017. Điều này có thể giải thích do tính cạnh tranh của thị trường ngày càng cao, dẫn đến các doanh nghiệp phải giảm giá để trúng thầu.
  - Chi phí hoạt động (chi phí bán hàng và chi phí quản lý) của Công ty năm 2018 tăng 18,28%, tỷ lệ chi phí/doanh thu cũng tăng 72% so với cùng kì. Trong năm 2018 công ty vẫn duy trì việc cắt giảm nhiều khoản chi phí thường xuyên, Tuy nhiên việc phải xử lý tồn đọng từ các năm trước nên các khoản trích lập dự phòng của công ty tăng từ đó đã làm lợi nhuận của công ty trong năm.
- Đòn bẩy tài chính: Trong năm 2018, Công ty tiếp tục tận dụng lợi thế của đòn bẩy nợ tài chính thông qua các kênh:
  - Vay từ ngân hàng 21,590 tỷ, đây là các khoản vay có kỳ hạn ngắn (3 tháng; 6 tháng) với mức lãi suất từ 7,5% – 8,3%/năm.

- Chiếm dụng vốn từ khách hàng, tăng số ngày trả tiền bình quân từ 93 trong năm 2017 tăng lên 137 ngày trong năm 2018, điều này cho thấy năm nay doanh nghiệp thanh toán chậm hơn năm trước.

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2017	So sánh
Vòng quay khoản phải trả	Lần/Vòng	2,67	3,94	Giảm 1,27 vòng
Số ngày trả tiền bình quân	Ngày	137	93	Tăng 44 ngày

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý an toàn môi trường. Tháng 8/2018, Công ty đã được tái cấp Chứng chỉ theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và OHSAS 18001:2007. Tiếp tục duy trì mục tiêu và chính sách chất lượng an toàn môi trường đã đề ra là: Đem đến cho khách hàng những sản phẩm đáp ứng toàn diện, chất lượng ổn định, dịch vụ chuyên nghiệp, thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; Đảm bảo an toàn cho người lao động, khách hàng, đối tác, nhà thầu và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động của mình; Luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường.
- Xây dựng và ban hành lại các quy chế quản lý, đặc biệt là: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng, ban trực thuộc Công ty...
- Tổ chức ứng dụng các phần mềm quản lý ở mức độ sâu hơn trong các hoạt động văn phòng, quản lý nhân sự, trả lương nhằm giúp Công ty giảm thiểu chi phí quản lý, nâng cao tính chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động của Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty tiếp tục quán triệt thực hiện theo đúng định hướng và chiến lược kinh doanh đã được ĐHCĐ năm 2018 xác định, duy trì các hoạt động thương mại dầu khí truyền thống từ upstream đến downstream theo phương châm “lấy ngắn, nuôi dài”, đồng thời chú trọng việc mở rộng thị trường, đa dạng hoá phát triển kinh doanh để tái cấu trúc hoạt động kinh doanh, tập trung vào 4 nhóm hoạt động chính, như sau:

- Nhóm 1: Tập trung hoàn thành tốt nhất các HĐ/DA đang thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và làm xong đến đâu nghiệm thu thanh quyết toán dứt điểm đến đó nhằm tạo doanh thu, lợi nhuận và uy tín cho Petechim, đặc biệt lưu ý các HĐ lớn từ năm 2018 chuyển sang. Tích cực xây dựng quan hệ hợp tác với NSX/NCC để gia tăng năng lực cạnh tranh và hiệu quả công tác đấu thầu, tăng cường tìm kiếm cơ hội giành được HĐ với các đơn vị trong ngành Dầu khí và nhóm các công ty của Sovico Holdings.
- Nhóm 2: Đẩy nhanh việc ký kết các thoả thuận hợp tác với các đối tác chiến lược và trở thành đại lý/nhà phân phối cho các thương hiệu toàn cầu với khách hàng/chủ đầu tư lớn để củng cố nguồn lực và nâng cao vị thế của Petechim trên thương trường nhằm xây dựng bằng được các hoạt động lâu dài/cốt lõi cho Công ty.
- Nhóm 3: Thường xuyên thu thập và phân tích thông tin thị trường, theo dõi sát sao để có các giải pháp kịp thời đối với khoản đầu tư cổ phiếu, nghiên cứu, thẩm định, đánh giá để triển khai các cơ hội đầu tư ra các lĩnh vực có tiềm năng phát triển tốt và hiệu quả kinh tế cao khi có điều kiện thuận lợi.
- Nhóm 4: Tăng cường củng cố quan hệ với các cổ đông lớn như PVOIL, Sovico Holdings, tích cực tham dự các sự kiện, hội thảo, hội nghị dầu khí để thiết lập

thêm quan hệ với các khách hàng/đối tác, kịp thời nắm bắt các cơ hội để mở rộng phát triển kinh doanh ra các lĩnh vực cả trong và ngoài ngành dầu khí như dịch vụ XNK uỷ thác, logistics, dịch vụ hàng hải và các dịch vụ khác.

Các nhiệm vụ cụ thể:

- Trong sản xuất kinh doanh:
  - + Quyết tâm tận dụng mọi cơ hội kinh doanh để cải thiện kết quả kinh doanh và tích cực tham gia đấu thầu để ký kết được nhiều hợp đồng mới. Xúc tiến lại mảng dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ dầu khí, dịch vụ XNK uỷ thác, dịch vụ hàng hải, cung cấp nhiên liệu, logistics và các dịch vụ khác để tạo ra lợi nhuận cho Công ty.
  - + Thắt chặt quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác lớn như Honeywell, Weatherford, Vallourec, Thales,... để ký kết các HĐ trong và ngoài ngành dầu khí.
  - + Bám sát chiến lược phát triển của Sovico Holdings, PVOIL và tận dụng sự ủng hộ của các cổ đông lớn để nắm bắt cơ hội cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho các đơn vị như PVOil, Vietjet, HDBank và Phú Long, Đông Dương,...
- Trong tiếp thị, tìm kiếm việc làm và phát triển thị trường:
  - + Chú trọng công tác marketing, đầu tư thêm nhân sự có năng lực và bám sát các dự án/ khách hàng nhằm tìm nguồn việc và cơ hội phát triển thị trường mới như lĩnh vực điện mặt trời, đặc biệt là những dự án có nguồn thu tốt và các dự án do HDBank tài trợ vốn.
  - + Phối hợp chặt chẽ với GEC (mảng phụ gia hoá chất) và PAIC (mảng CNTT & TĐH) để gia tăng chuỗi giá trị cung ứng đối với khách hàng, qua đó tạo cơ hội kinh doanh cho cả Petechim và các Công ty con.
  - + Phối hợp với PVU nghiên cứu triển khai dịch vụ làm sạch nhà máy điện, đạm, lọc dầu, dịch vụ kiểm định chất lượng khí.
  - + Phát triển mạnh sang lĩnh vực cung ứng trang thiết bị an toàn cầu cảng cho các công trình của ngành dầu khí, cho hệ thống cảng biển của tập đoàn Gemadept, của Tổng Công ty Sài Gòn Tân Cảng,... thông qua quan hệ hợp tác chiến lược với hãng Trelleborg Sweeden.
- Trong quản lý tài chính, đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD:
  - + Tiếp tục rà soát chi phí quản lý, tiết kiệm tối đa, áp dụng chính sách “thắt lưng buộc bụng” để từng bước chấm dứt tình trạng không đủ bù chi như hiện tại.
  - + Nghiên cứu các phương án để duy trì hạn mức tín dụng tại các ngân hàng để phục vụ cho hoạt động KD và có biện pháp phòng ngừa các rủi ro về tài chính.
  - + Chú trọng nâng cao chất lượng công tác quản lý dự án nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế các rủi ro phát sinh, tiết kiệm chi phí và tăng lợi nhuận.
- Trong tổ chức và quản lý nhân sự:
  - + Nêu cao vai trò gương mẫu và tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, quyết tâm áp dụng KPI trong đánh giá hiệu quả công tác tới từng cá nhân để một mặt khuyến khích các nhân tố tích cực, mặt khác đào thải các nhân sự kém chất lượng nhằm tăng sức chiến đấu, khơi gợi cảm hứng và nhiệt tình công tác trong CBNV.
  - + Áp dụng quy chế thưởng theo hiệu quả công tác để khuyến khích CBNV tích cực tìm việc và ký HĐ mới. Thành lập các task force theo từng đầu việc để

tập trung nguồn lực và tổ chức thực hiện các dự án trọng điểm và các HĐ quan trọng một cách hiệu quả nhất.

- + Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh giản và chú trọng về chất từ từng phòng ban để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm triển khai thành công kế hoạch kinh doanh của đơn vị mình. Tiếp tục tuyển thêm chuyên viên có chuyên ngành kỹ thuật để phục vụ cho định hướng phát triển mảng đại lý bán hàng, nhà phân phối cho các hãng lớn, đồng thời đảm bảo tính chủ động trong quan hệ với đối tác/khách hàng, nhằm gia tăng hàm lượng chất xám và giá trị cho hoạt động thương mại, dịch vụ của Petechim.
- + Tổ chức lại các hoạt động tập thể để cải thiện môi trường làm việc, tăng tính kết nối, tinh thần đoàn kết và giữ gìn văn hoá doanh nghiệp của Petechim.
- Về công tác giải quyết tồn đọng:
  - + Tiếp tục giải quyết dứt điểm hết các tồn đọng công nợ, hàng hoá tồn kho để thu hồi vốn và giảm thiểu tối đa các chí phí tài chính phát sinh hoặc giảm giá trị hàng hoá do kéo dài thời gian lưu kho, quyết tâm lãnh mạnh hoá tình hình tài chính cho Công ty để có thể tập trung tối đa nguồn lực cho hoạt động kinh doanh thời kỳ mới.
  - + Đồng thời, hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh tồn đọng, công nợ mới.

#### **5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:**

Chi tiết xin xem các công văn số 121B/TMDK-TCKT và 121C/TMDK-TCKT ngày 27/3/2019 của Công ty Petechim gửi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và XH của Công ty:**

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...): Như đã phân tích ở trên, mức tiêu thụ năng lượng, nước tại trụ sở của Công ty tương đối ít, song song đó lượng chất thải hàng ngày chủ yếu là rác thải sinh hoạt nên không tác động đáng kể đến môi trường.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động được Công ty áp dụng đầy đủ các chính sách bảo hiểm, an toàn, phúc lợi.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty tham gia đầy đủ trách nhiệm đối với địa phương bằng việc đóng góp các quỹ theo quy định cũng như tích cực trong các hoạt động ủng hộ, thiện nguyện vì cộng đồng.

### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Trong năm 2018, Công ty Petechim tiếp tục nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil), nhóm cổ đông chiến lược Sovico Holdings, cũng như sự hợp tác của các khách hàng truyền thống Vietsovpetro, PVEP POC, các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước, các nhà máy lọc dầu, đạm và nhà máy điện trong ngành dầu khí.
- Năm 2018 cũng là năm khó khăn nhất từ trước đến nay của Petechim khi hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty phải đối mặt với các khó khăn, thách thức rất lớn do:
  - Giá dầu thế giới đã được cải thiện song vẫn ở mức thấp, vẫn chưa ổn định, do vậy các hoạt động dầu khí chưa phục hồi, các dự án mới bị hoãn hoặc chậm triển khai, quy mô đầu tư và hoạt động mua sắm thường xuyên của các khách hàng truyền thống đều bị cắt giảm tới mức tối đa.

- Cạnh tranh khốc liệt trong thị trường dịch vụ và thương mại nói chung và trong dầu khí nói riêng.
- Đồng thời Công ty tiếp tục phải đối đầu với những hạn chế, yếu kém nội tại:
  - Chức năng của Petechim là thương mại và dịch vụ, song trong các năm gần đây, chủ yếu hoạt động đơn thuần thương mại, không có hoạt động cốt lõi/đặc thù; không có cơ sở vật chất và công nghệ của mình, đặc biệt, nguồn lực con người rất mỏng và một bộ phận không nhỏ nhân sự hạn chế cả về trình độ, kinh nghiệm; trì trệ, thiếu năng động, chảy máu chất xám. Thực trạng đó dẫn tới kết quả kinh doanh trong các năm gần đây liên tục suy giảm, đặc biệt trong năm 2017, 2018.
  - Trong khi đó, nợ xấu, các hợp đồng tồn đọng và tồn kho lớn, kéo dài và không được xử lý và trích lập dự phòng tài chính kịp thời từ những năm trước khiến Công ty liên tục phải gánh thêm các khoản lỗ lớn, do đó hiệu quả SXKD của Petechim cũng bị ảnh hưởng nặng nề và suy giảm đáng kể, dẫn đến lỗ lũy kế đến cuối năm 2018.
- Trước thực tế đó, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã quyết định:
  - Xác định mục tiêu hoạt động của Petechim là nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy hiệu quả hoạt động và việc tạo ra lợi nhuận và lợi ích cho chủ sở hữu, các cổ đông, cũng như người lao động làm mục tiêu hoạt động.
  - Định hướng lại chiến lược kinh doanh, đổi mới phương thức hoạt động và triển khai công việc là tập trung vào các lĩnh vực hoạt động gắn liền với chiến lược/định hướng phát triển của ngành Dầu khí và Tập đoàn Sovico Holdings với mục tiêu hàng đầu là bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận, vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông, vừa đảm bảo thu nhập cho người lao động, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của từng cá nhân với sự phát triển bền vững của công ty.
- Đồng thời, HĐQT Petechim cũng đã quyết định miễn nhiệm Tổng giám đốc cũ và bổ nhiệm Tổng giám đốc và thực hiện tái cấu trúc tổ chức, bộ máy và áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự của công ty để cải thiện tình hình với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh của Petechim.
- Trước thực tiễn nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý để kịp thời đưa ra các chỉ đạo, định hướng:
  - Duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh chính của công ty: Cung ứng vật tư, thiết bị, hóa phẩm, các loại hình dịch vụ dầu khí cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ khâu đầu đến khâu sau và các nhà thầu dầu khí nước ngoài khác; Bám sát các khách hàng chiến lược trong ngành Dầu khí như Vietsovpetro, BSR, Phú Quốc POC, Hoàng Long – Hoàn Vũ JOC, PV POWER, Cửu Long JOC, PVEP POC, PVGAS, PVOIL ... và phát huy thế mạnh truyền thống với mục tiêu giành được hợp đồng/ dự án.
  - Tăng cường việc hợp tác với các Nhà sản xuất/nhà cung cấp tiềm năng, tận dụng thế mạnh của đối tác (như GE, BHGE, Honeywell, Technip, Vietsovpetro, Rosneft, Total...), đẩy mạnh hiệu quả việc xây dựng quan hệ đối tác – khách hàng để gia tăng năng lực cạnh tranh và cơ hội thành công trong công tác đấu thầu.
  - Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các chủ sở hữu: PVOil, SOVICO Holdings.
  - Tập trung giải quyết dứt điểm các khoản công nợ, tồn kho và các HĐ/DA tồn đọng trong nghiệm thu, thanh quyết toán để thu hồi vốn, tránh phát sinh chi phí và có vốn cho SXKD.

- Thu xếp vốn đảm bảo cho hoạt động SXKD – có các Phương án phù hợp để duy trì hạn mức tín dụng tại các ngân hàng phục vụ hoạt động bảo lãnh, giải ngân và mở L/C cho Công ty.
  - Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, quỹ cho SXKD.
  - Quản lý chặt chẽ dòng tiền đảm bảo tính thanh khoản cho các HĐ/DA.
  - Kiểm soát và thực hiện tiết giảm tối đa tất cả các chi phí: chi phí quản lý chung, chi phí bán hàng, kể cả giá vốn bán hàng (chi phí Marketing) để giảm giá thành, tăng khả năng thắng thầu và tăng hiệu quả SXKD của Công ty.
  - Hạn chế tối đa nợ xấu, tồn kho và các hợp đồng/ dự án tồn đọng mới để đảm bảo nguồn vốn cho SXKD và uy tín của Petechim.
  - Đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty luôn được triển khai thực hiện nhanh chóng và mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty;
- Kết quả hợp nhất Công ty và nhóm Công ty đã đạt được trong năm 2018 như sau:
- Giá trị tổng tài sản đạt trên 477,4 tỷ đồng;
  - Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác: 544 tỷ đồng, tương đương 56,63% kế hoạch năm 2018 và giảm 31% so với cùng kỳ năm trước;
  - Nộp ngân sách Nhà nước: 4 tỷ đồng;
  - Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp: lỗ 26,783 tỷ đồng;
  - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: lỗ 28,675 tỷ đồng;
  - Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ: lỗ 30,173 tỷ đồng;
  - Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 1.509 đ/CP;
  - Tỷ lệ chi trả cổ tức: 0%;

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, bổ sung sửa đổi lần 8, ngày 13/04/2016 và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim, ban hành ngày 26/04/2013, HĐQT Công ty CP Thương mại Dầu khí Petechim đã thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, bao gồm Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác.

- Về hoạt động quản trị Công ty: Trong năm 2018, Ban điều hành của Công ty đã thực hiện việc tổ chức quản lý đúng theo phân cấp nhiệm vụ và tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty. Cụ thể như sau:
- HĐQT và Tổng giám đốc đã phối hợp tốt tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty vào ngày 18/4/2019 tại trụ sở chính của Công ty.
  - Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ nhiệm vụ báo cáo hàng tháng, hàng quý, bán niên trình HĐQT về kết quả, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ SXKD, công tác tổ chức và các công việc khác của từng phòng ban nói riêng và của toàn công ty nói chung, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn và đưa ra các giải pháp, kiến nghị để đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.
  - Tổng giám đốc bám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT về hoạt động đầu tư góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các hoạt động đầu tư tài chính khác. Đồng thời, theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ và chính sách tài khóa, tiền tệ nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty.
  - Thực hiện chủ trương của HĐQT, Tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban liên quan rà soát và điều chỉnh các quy chế, quy định để công tác quản trị Công ty được sâu sát, hiệu quả hơn;

- Tổng giám đốc đã hoàn thành việc chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2018 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
  - Công tác nhân sự, đào tạo, hoạt động an sinh xã hội và của các tổ chức đoàn thể đều được Tổng giám đốc chú trọng, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Về hoạt động kinh doanh:
- Tổng giám đốc đã trình HĐQT phê duyệt việc cấp mới và tái sử dụng các hạn mức tín dụng giao dịch của Công ty tại các ngân hàng HDBank (150 tỷ), PVcomBank – CN Tp. HCM (50 tỷ), TPBank (50 tỷ) nhằm phục vụ các hoạt động SXKD trong các năm 2018 và 2019 của Công ty.
  - Phạm vi/lĩnh vực hoạt động truyền thống của Petechim đang bị thu hẹp, hiệu quả SXKD của Petechim đang liên tục sụt giảm từ năm 2015 tới nay. Đặc biệt, năm 2018 vừa qua là năm khó khăn nhất đối với Petechim với kết quả SXKD lần đầu tiên có một số tháng thua lỗ, năng lực cạnh tranh, vị thế và uy tín của Petechim sụt giảm nghiêm trọng. Nguyên nhân của các khó khăn có cả khách quan và chủ quan, song nguyên nhân chủ quan vẫn là chính.

HĐQT cũng đã báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 là tại cuộc họp HĐQT ngày 07/4/2018, HĐQT đã quyết nghị miễn nhiệm Tổng giám đốc Nhiệm kỳ 2015-2018 đối với ông Hoàng Dương và bổ nhiệm bà Đỗ Thị Bích Hà là Tổng giám đốc điều hành Petechim nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ ngày 23/4/2018.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- **Mục tiêu chiến lược:** Nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy hiệu quả hoạt động và việc tạo ra lợi nhuận và lợi ích cho chủ sở hữu, các cổ đông, cũng như người lao động làm mục tiêu hoạt động.
- **Định hướng chiến lược:** Tập trung vào các lĩnh vực hoạt động gắn liền với chiến lược/định hướng phát triển của ngành Dầu khí và Tập đoàn Sovico Holdings với mục tiêu hàng đầu là bảo toàn vốn và thu được lợi nhuận, vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông, vừa đảm bảo thu nhập cho người lao động, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm của từng cá nhân với sự phát triển bền vững của Công ty
- **Các nhiệm vụ cụ thể:**
  - Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 với mục tiêu thoát khỏi tình trạng thua lỗ và bắt đầu có lợi nhuận với các chỉ tiêu chính như sau:

#### **Riêng Công ty Petechim**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu	350.000.000.000
2	Tổng chi phí chưa bao gồm chi phí lương	333.200.000.000
3	Tổng quỹ lương	9.800.000.000
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	7.000.000.000
5	Thuế TNDN (20%)	1.400.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.600.000.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức (Dự kiến)	0%
8	Nộp ngân sách Nhà nước	4.400.000.000
9	Thu nhập bình quân tháng của người lao động	13.300.000

## Hợp nhất Công ty con

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	783.000.000.000
2	Tổng chi phí	771.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	12.000.000.000
4	Thuế TNDN (20%)	2.400.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.600.000.000
6	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	8.250.300.0

- Chi đạo tiếp tục thực hiện các định hướng kinh doanh:
  - + Tập trung hoàn thành tốt nhất các HĐ/DA đang thực hiện, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và làm xong đến đâu nghiệm thu thanh quyết toán dứt điểm đến đó nhằm tạo doanh thu, lợi nhuận và uy tín cho Petechim.
  - + Quyết liệt trong tiếp thị, đấu thầu các hợp đồng/dự án mới đối với thị trường, khách hàng truyền thống; đồng thời mở rộng thị trường, đa dạng hóa kinh doanh, tạo lập các dịch vụ mới trên nguyên tắc hiệu quả để có nhiều hợp đồng tạo doanh thu và lợi nhuận cho Công ty và cho phát triển lâu dài.
  - + Tăng cường tiếp thị & Marketing, quan hệ đối tác, bám sát khách hàng để xây dựng uy tín hình ảnh niềm tin cho khách hàng, tìm được nguồn các công việc và giành được HĐ/DA mới.
  - + Tập trung nguồn lực về con người và tài chính cho các Hợp đồng/Dự án lớn/quan trọng. Tiếp tục sử dụng/lập các Task force của Công ty để bám sát các dự án/ khách hàng nhằm tìm nguồn công việc, phát triển thị trường mới có cơ chế hoạt động và thù lao/khuyến khích phù hợp cho Task Force và những người tìm & ký được hợp đồng mới.
  - + Tận dụng tối đa sự hỗ trợ của các chủ sở hữu: Sovico Holdings và PVOIL.
  - + Thực hiện làm thương mại song đi cùng với đối tác để tăng khả năng thắng thầu, giảm thiểu rủi ro trong thực hiện. Hiện thực hóa các dự kiến hợp tác liên doanh liên kết: Tiến tới xây dựng được các liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt các nhà cung cấp để làm đại lý, nhà phân phối, cùng tham gia tiếp thị, đấu thầu hợp đồng/dự án để tăng khả năng thành công trong đấu thầu, qua đó từng bước xây dựng được các hoạt động lâu dài, cốt lõi, bền vững.
- Tiếp tục tái cấu trúc và hoàn thiện công tác quản trị, nâng cao chất lượng đội ngũ CBNV theo tinh thần tinh gọn, tiết kiệm, chuyên nghiệp, gắn trách nhiệm cá nhân các cấp với nhiệm vụ được giao nhằm đáp ứng được yêu cầu hiệu quả kinh doanh. Lấy yếu tố con người làm động lực chính cho phát triển doanh nghiệp. Có chính sách sử dụng, thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho sự phát triển của Công ty.
- Về quản lý tài chính: đảm bảo nguồn vốn & tín dụng cho hoạt động SXKD, tăng cường quản trị rủi ro và đảm bảo an toàn tài chính cho hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục thực hiện tiết giảm tối đa các khoản chi phí, đặc biệt chi phí quản lý và chi phí hoạt động để giảm giá thành, tăng khả năng thắng thầu và hiệu quả SXKD của Công ty.
- Tiếp tục xử lý dứt điểm các nợ xấu, tồn đọng còn lại và hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh tồn đọng, công nợ mới.



- Tăng cường quản lý và phát triển các hoạt động SXKD tại các công ty con và các công ty liên kết, trong đó, đặc biệt, quan tâm tới các công ty con: Công ty CP Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC), Công ty CP Thương mại Năng lượng xanh (GEC).

## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

### 1. Ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

- Về báo cáo tài chính riêng năm 2018: Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018: Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xin xem “Báo cáo tài chính riêng năm 2018” và “Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018” của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đính kèm.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.
- HĐQT, NTKT (03b)

#### Đính kèm:

- Phụ lục số 01;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Deloitte VN.

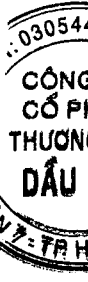
Người đại diện theo pháp luật của Công ty



**PHỤ LỤC SỐ 01**

(Đính kèm Báo cáo số 22/BC-TMDK, ngày 24/4/2019)

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty con	<b>CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI NĂNG LƯỢNG XANH (GEC)</b> (Địa chỉ: 1125 Đường 30/4, Phường 11, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT)	Mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ; Sản xuất, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm năng lượng thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học; Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô; Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp.	9,526,687,800	51%
2	Công ty con	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN CNTT, VIỄN THÔNG VÀ TỰ ĐỘNG HÓA DẦU KHÍ (PAIC)</b> (Tầng 17 Tòa nhà ICON4, 243A Đường Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội)	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Sửa chữa thiết bị điện. Lắp đặt hệ thống điện. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện. Mua bán, cung cấp thiết bị trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera). Mua bán, cung cấp, xây dựng các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, bảo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hỗ trợ vận hành trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, bao gồm: máy tính, mạng máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị truyền thông (âm thanh, ánh sáng, camera), các thiết bị, linh kiện điện tử, các thiết bị đo lường, điều khiển, các hệ thống giải pháp tự động hóa, các hệ thống, thiết bị điện lạnh, điện nhẹ, giám sát, cảnh báo, bảo cháy nổ, chống sét, phòng và chữa cháy. Nghiên cứu, tư vấn, thẩm tra, tích hợp, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền	21,960,000,000	51.85%



STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
3	Công ty liên kết	<b>CÔNG TY CP HẬU CẦN DẦU KHÍ (PVLSC)</b> (Địa chỉ: Khu Trung tâm DV Công Cộng, Khu Kinh tế Nghi Sơn, Xã Hải Thượng, H. Tĩnh Gia, T. Thanh Hóa)	<p>cho phép), chuyên giao công nghệ thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa (không bao gồm dịch vụ tư vấn thiết kế công trình). Nghiên cứu, tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), thẩm tra, tích hợp, đào tạo, cho thuê các trung tâm cơ sở dữ liệu (trừ bất động sản), các trung tâm phục hồi dữ liệu sau thảm họa; cung cấp các dịch vụ của trung tâm cơ sở dữ liệu và dịch vụ phục hồi dữ liệu. Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị thuộc các lĩnh vực CNTT, viễn thông và tự động hóa. Cung cấp các nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng và đại lý kinh doanh các dịch vụ giá trị gia tăng, công nghệ quảng cáo trực tuyến trên các hệ thống CNTT và viễn thông. Nghiên cứu tư vấn, thiết kế (không bao gồm thiết kế công trình), sản xuất, đào tạo (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), lắp đặt các hệ thống thương mại, giao dịch điện tử và các dịch vụ thương mại điện tử. Dịch vụ làm dữ liệu, cung cấp dịch vụ dữ liệu, tư vấn giải pháp, thiết kế xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình), bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu. Thiết kế, phát triển, gia công, cung cấp, phân phối, bảo hành, bảo trì, triển khai các sản phẩm và các dịch vụ phần mềm. Xuất nhập khẩu các mặt hàng thuộc lĩnh vực kinh doanh của Công ty.</p>	2,500,000,000	8.33%
			<p>Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ lưu trú (bao gồm cả khách sạn, biệt thự, nhà trọ); Kinh doanh dịch vụ ăn uống; nhà hàng, quầy bar, phục vụ suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ điện tử, tin học, dịch vụ internet; Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Dịch vụ sửa chữa, hiệu chỉnh, kiểm</p>		

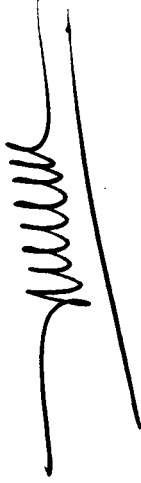
STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
4	Công ty liên kết	<b>CÔNG TY CP XĂNG DẦU ĐÀU KHÍ SÀI GÒN (PVOII</b> Sài Gòn) (Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Petroland, Số 12, Đường Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM)	<p>định máy móc, thiết bị công nghiệp, dầu khí, xăng dầu; Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy; Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất, hóa phẩm ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp; Mua bán trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, trang thiết bị bảo hộ lao động, thiết bị bảo vệ môi trường; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Dịch vụ đại lý tàu biển, vận tải đường biển; Vận tải hành khách đường bộ; Vận tải hàng hóa đường bộ; Cho thuê ô tô; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ khác liên quan đến vận tải; Tư vấn đầu tư, quản lý dự án; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Dịch vụ vệ sinh giặt là; Các dịch vụ phục vụ cá nhân khác; Dịch vụ du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí; Cung ứng dịch vụ và các cơ sở luyện tập thể dục thể thao; Nhà thuốc, phòng khám, cơ sở y tế.</p> <p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Khai thác dầu thô (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn phế liệu, phế thải, thuốc trừ sâu); Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Đại lý, môi giới, đầu giá; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Dịch vụ lưu trú ngắn</p>	11,000,000,000	5.50%



STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			<p>ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới ...); Dịch vụ ăn uống khác; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Trồng cây lâu năm khác; Trồng cây ăn quả.</p>		
5	Công ty liên kết	<p><b>CÔNG TY CP SẢN XUẤT &amp; CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ (PVOil Phú Mỹ)</b> (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Mép, Xã Tân Phước, H. Tân Thành, Tỉnh BR-VT)</p>	<p>Bán buôn/bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Sản xuất và chế biến nhiên liệu dung môi; Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Biodiesel); Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học; Mua bán thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; Mua bán phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; Mua bán vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ.</p>	10,000,000,000	2.00%
6	Công ty liên kết	<p><b>CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ MIỀN TRUNG (PVOil Miền Trung)</b> (Địa chỉ: 92-94, Lê Trung Đình, P. Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi)</p>	<p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan [Mua bán dầu thô, mua bán xăng dầu, mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, mua bán nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, biodiesel)]; Cho thuê xe có động cơ; Kho bãi và Lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng; Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp; Kinh doanh thiết bị, vật tư ngành dầu khí); Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải (Dịch vụ đại lý cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu [Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động, mua bán phân bón, mua bán hóa chất (trừ hóa chất sử dụng</p>	3,000,000,000	2.14%

STT	Hình thức đầu tư	Công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
			trong nông nghiệp và hóa chất cám)]; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn).		

Người đại diện theo pháp luật của Công ty  
**TÔNG GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Thị Bích Hà**

Số: 14/TMDK-TCKT

TP.HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2019

**Kính gửi: CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Tầng 18, Tòa nhà Time Square,  
57 – 69F Đồng Khởi, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thư giải trình này được lập ra nhằm phục vụ công việc kiểm toán Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “Báo cáo tài chính riêng”) nhằm đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính riêng này, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí (gọi tắt “Công ty”) được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi khẳng định trách nhiệm của mình đối với các vấn đề sau:

- a. Tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính riêng về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- b. Xây dựng và thực hiện các chương trình, biện pháp kiểm soát nhằm ngăn ngừa, phát hiện gian lận.
- c. Xây dựng và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Các nội dung được trình bày tại thư giải trình này được giới hạn cho các vấn đề trọng yếu. Các vấn đề được coi là trọng yếu, không phân biệt mức độ (về giá trị), nếu liên quan đến các thiếu sót, sai sót về thông tin kế toán mà, trong từng trường hợp cụ thể, sự thiếu sót hoặc sai sót này có thể ảnh hưởng hoặc làm thay đổi các quyết định của người sử dụng thông tin tài chính.

Trong phạm vi trách nhiệm và sự hiểu biết của mình, chúng tôi xác nhận các giải trình sau đây:

1. Báo cáo tài chính riêng đề cập ở trên được trình bày trung thực và hợp lý, tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
2. Chúng tôi đã cung cấp cho kiểm toán viên toàn bộ:
  - a. Báo cáo tài chính riêng và thông tin liên quan;

- b. Biên bản Đại hội cổ đông, các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hoặc bản tóm tắt nội dung các cuộc họp chưa lập biên bản gần đây.
  - c. Các chứng từ liên quan đến các khoản doanh thu và chi phí được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng.
3. Không có phản ánh nào từ các cơ quan quản lý nhà nước về việc không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các quy định về kế toán.
4. Chúng tôi không phát hiện được bất kỳ gian lận nào đã xảy ra hoặc có thể xảy ra ảnh hưởng đến Công ty liên quan đến (a) Ban Giám đốc, (b) nhân viên nắm vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ, hoặc (c) những đối tượng khác có hành vi gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.
5. Chúng tôi không nhận được bất kỳ cáo giác nào về các hành vi gian lận đã xảy ra hoặc có thể xảy ra ảnh hưởng đến Công ty phản ánh từ các nhân viên đương nhiệm, nhân viên cũ, chuyên gia phân tích, cơ quan quản lý Nhà nước hoặc các đối tượng.
6. Chúng tôi không có bất kỳ kiện tụng, khiếu nại hoặc khoản bồi thường nào đang xảy ra, hoặc có khả năng xảy ra, hoặc các khiếu nại, bồi thường chưa được xác nhận, cần phải tổng hợp và trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
7. Các giả định quan trọng của chúng tôi trong các ước tính kế toán là phù hợp.
8. Ngoài các khoản mục liệt kê tại Phụ lục A, file Excel, tất cả các nghiệp vụ kinh tế đã được ghi chép đầy đủ trong sổ kế toán làm cơ sở cho việc lập báo cáo tài chính.
9. Công ty không có kế hoạch hay dự tính nào có thể ảnh hưởng tới giá trị ghi sổ hay việc phân loại tài sản, công nợ.
10. Các vấn đề sau đây, trong phạm vi áp dụng thích hợp, đã được xác định phù hợp, ghi chép đầy đủ và trình bày hợp lý trên báo cáo tài chính riêng:
  - a. Nghiệp vụ đối với các bên liên quan, các khoản phải thu, phải trả liên quan bao gồm các khoản mua, bán, đi vay, chuyển nhượng, thuê tài sản và bảo lãnh (bằng lời hay văn bản).
  - b. Giá trị các khoản phải thu từ hay phải trả cho các bên liên quan
  - c. Các khoản bảo lãnh bằng lời hay bằng văn bản mà Công ty có nghĩa vụ hoàn trả.
11. Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh với các bên liên quan là được thực hiện trên cơ sở giá thị trường và Ban Giám đốc nhận thức được các rủi ro có liên quan và chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề này với cơ quan thuế cũng như chuẩn bị các tài liệu chứng minh khi làm hồ sơ chống chuyển giá nộp cơ quan thuế theo quy định hiện hành.
10. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Ban Giám đốc đã thực hiện các ước tính kế toán. Tất cả các ước tính kế toán được trình bày trên báo cáo tài chính riêng nếu các thông tin hiện có trước ngày phát hành báo cáo cho thấy:



- a. Có cơ sở hợp lý cho thấy ước tính về mức độ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của một điều kiện, hoàn cảnh hoặc tình huống tại ngày của báo cáo sẽ bị thay đổi trong tương lai gần do ảnh hưởng của một hoặc một số sự kiện trong tương lai.
- b. Ảnh hưởng của sự thay đổi là trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.

12. Công ty không:

- a. Vi phạm hay có thể vi phạm luật và các quy định mà ảnh hưởng cần trình bày trên báo cáo tài chính riêng hoặc là cơ sở cho việc ghi nhận công nợ tiềm tàng.
  - b. Có các khoản bồi thường hay kiện tụng có thể có hay chắc chắn có mà các ảnh hưởng liên quan phải được xem xét, hạch toán và trình bày trên báo cáo tài chính và không cung cấp cho kiểm toán viên
  - c. Các khoản công nợ hoặc thu nhập, chi phí tiềm tàng khác cần phải dự phòng hoặc trình bày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
13. Công ty là chủ sở hữu hợp pháp các tài sản đang sở hữu và không có bất kỳ một tài sản nào trong số này bị đem đi cầm cố, thế chấp hoặc bị cầm giữ.
14. Công ty đã tuân thủ mọi điều khoản của các hợp đồng mà hành vi vi phạm hợp đồng sẽ ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.
15. Không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính riêng.
16. Công ty có trách nhiệm tính toán và bảo đảm các khoản dự phòng cho các khoản vay và phải thu khó đòi được tính đầy đủ cũng như cơ sở để xác định các khoản đó. Ban Giám đốc cho rằng không cần thiết để ghi nhận các khoản dự phòng trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản phải thu của Công ty tương đương với giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
17. Công ty không phát sinh khoản phải dự phòng cho các phí tổn liên quan đến việc thực hiện cam kết mua hàng nếu vượt quá nhu cầu bình thường hoặc với giá cao hơn giá thị trường.
18. Công ty không phát sinh khoản phải dự phòng cho các phí tổn liên quan đến việc thực hiện, hay không thực hiện được cam kết bán hàng trong tương lai.
19. Chúng tôi đã trình bày với các kiểm toán viên tất cả các điều khoản bán hàng, bao gồm cả quyền trả lại hàng mua hay điều chỉnh giá và các điều kiện bảo hành.
20. Việc đánh giá tài sản thuế thu nhập hoãn lại của Công ty đã được thực hiện theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
21. Chúng tôi cho rằng, trên các khía cạnh trọng yếu, rằng việc tính toán thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập cá nhân, thuế Thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác trong năm hiện tại đã được thực hiện phù hợp với các quy định hiện hành về thuế. Chúng tôi đã cung cấp tất cả các tài liệu hiện có liên quan đến các quyết toán thuế gần nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác của cơ quan thuế.
22. Công ty đã ghi nhận và trình bày công nợ cho các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tiềm tàng. Ban Giám đốc đã đánh giá các bằng chứng hiện có về (a) các khoản thuế thu

nhập doanh nghiệp tiềm tàng đã được xác định và chưa được xử lý và (b) các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tiềm tàng chưa xác định phát sinh do các khoản thu nhập chưa được chắc chắn trong hồ sơ hoàn thuế thu nhập trình cơ quan thuế. Khoản công nợ được ghi nhận và trình bày trên báo cáo tài chính riêng liên quan đến các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tiềm tàng thể hiện các ước tính của Ban Giám đốc về các khoản phải trả có khả năng phát sinh theo quyết định của cơ quan thuế, theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, chúng tôi không nhận được bất kỳ thông tin nào của cơ quan thuế, cả bằng lời và văn bản, khác với đánh giá của chúng tôi về các khoản dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tiềm tàng được ghi nhận.

23. Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, dựa trên những phương pháp tính toán và ước tính mà Ban Giám đốc thấy phù hợp nhất, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã phản ánh đúng tiến độ thực hiện các công trình, dự án của Công ty và đã thể hiện hợp lý giá trị tất cả các công trình, dự án mà Công ty đang thực hiện và chưa được nghiệm thu quyết toán giá trị hoàn thành. Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận đã cung cấp đầy đủ cho kiểm toán viên các tài liệu liên quan đến số liệu ghi nhận doanh thu, giá vốn và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình, dự án tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đồng thời đảm bảo tính chính xác của các tài liệu này.
24. Công ty đã lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
25. Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty cho rằng Thông tư 210 có đề cập đến việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế (“IFRS”) khi trình bày và công bố các công cụ tài chính, tuy nhiên Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương ứng cho việc ghi nhận và đánh giá tài sản tài chính, bao gồm việc áp dụng giá trị hợp lý, theo IFRS. Do đó, Ban Giám đốc Công ty không đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 và các quy định hiện hành có liên quan chưa có hướng dẫn đầy đủ về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.

26. Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ lương với tổng số tiền là 7.484.185.017 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng quỹ lương được trích lập trong năm là phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty và sẽ được chi trả trước khi quyết toán thuế năm 2018. Ban Giám đốc tin tưởng rằng các khoản lương, thưởng và các khoản phúc lợi với số tiền là 276.000.000 đồng chi trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát, là phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như các quy định hiện hành.

27. Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho lô hàng là các ống khoan tồn kho từ năm 2014 với giá trị ước tính là 3.573.373.865 đồng. Ban Giám đốc chưa trích lập dự phòng hàng tồn kho do chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng hóa này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

28. Khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim với tổng giá trị đầu tư là 2.500.000.000 đồng (25% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết). Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc không trích lập dự phòng thêm đối với khoản đầu tư này. Ban Giám đốc đánh giá việc không phân bổ chi phí phát sinh liên quan Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng trung tâm hậu cần dầu khí Petechim tại Khu trung tâm dịch vụ công cộng – Khu kinh tế Nghi Sơn, Thanh Hóa (“Dự án”) vào chi phí là phù hợp.



---

**ĐỖ THỊ BÍCH HÀ**  
Tổng giám đốc



---

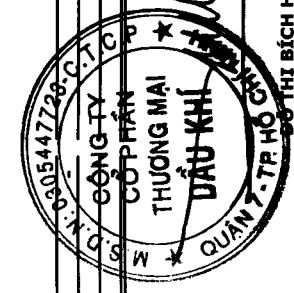
**NGUYỄN NGỌC ANH**  
Kế toán trưởng

**PHỤ LỤC A**  
 Tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh  
 Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Đơn vị: VND

Diễn giải	Tài sản Ng/ (Cổ)	Công nợ Ng/ (Cổ)	Nguồn vốn Ng/ (Cổ)	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Ng/ (Cổ)	Tổng cộng
<b>Các sai sót kỳ hiện tại</b>					
Lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	(320,542,423)			320,542,423	
Phân loại lại bán chất chi phí				1,463,566,241 (1,463,566,241)	
<b>Tổng sai sót kỳ hiện tại</b>	<b>(320,542,423)</b>			<b>320,542,423</b>	
<b>Tổng cộng sai sót</b>	<b>(320,542,423)</b>			<b>320,542,423</b>	



*(Handwritten signature)*

**NGUYỄN NGỌC ANH**  
 Kế toán trưởng

**SU THỊ BÍCH HÀ**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Số: ~~41~~ B/TMDK-TCKT

TP.HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Tầng 18, Tòa nhà Time Square,  
57 – 69F Đồng Khởi, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thư giải trình này được lập nhằm phục vụ công việc kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”) nhằm đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính hợp nhất này, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí (gọi tắt “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con gọi chung là “Công ty”) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi khẳng định trách nhiệm của mình đối với các vấn đề sau:

- a. Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- b. Xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp kiểm soát nhằm ngăn ngừa, phát hiện gian lận.
- c. Xây dựng và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Các nội dung được trình bày tại thư giải trình này được giới hạn cho các vấn đề trọng yếu. Các vấn đề được coi là trọng yếu, không phân biệt mức độ (về giá trị), nếu liên quan đến các thiếu sót, sai sót về thông tin kế toán mà, trong từng trường hợp cụ thể, sự thiếu sót hoặc sai sót này có thể ảnh hưởng hoặc làm thay đổi các quyết định của người sử dụng thông tin tài chính.

Trong phạm vi trách nhiệm và sự hiểu biết của mình, chúng tôi xác nhận các giải trình sau đây:

1. Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập ở trên được trình bày trung thực và hợp lý, tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
2. Chúng tôi đã cung cấp cho kiểm toán viên toàn bộ:

- a. Báo cáo tài chính hợp nhất và thông tin liên quan;
  - b. Biên bản Đại hội cổ đông, các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hoặc bản tóm tắt nội dung các cuộc họp chưa lập biên bản gần đây.
  - c. Các chứng từ liên quan đến các khoản doanh thu và chi phí được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.
3. Không có phản ánh nào từ các cơ quan quản lý nhà nước về việc không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các quy định về kế toán.
  4. Chúng tôi không phát hiện được bất kỳ gian lận nào đã xảy ra hoặc có thể xảy ra ảnh hưởng đến Công ty liên quan đến (a) Ban Giám đốc, (b) nhân viên nắm vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ, hoặc (c) những đối tượng khác có hành vi gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.
  5. Chúng tôi không nhận được bất kỳ cáo giác nào về các hành vi gian lận đã xảy ra hoặc có thể xảy ra ảnh hưởng đến Công ty phản ánh từ các nhân viên đương nhiệm, nhân viên cũ, chuyên gia phân tích, cơ quan quản lý Nhà nước hoặc các đối tượng khác.
  6. Chúng tôi không có bất kỳ kiện tụng, khiếu nại hoặc khoản bồi thường nào đang xảy ra, hoặc có khả năng xảy ra, hoặc các khiếu nại, bồi thường chưa được xác nhận, cần phải tổng hợp và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
  7. Các giả định quan trọng của chúng tôi trong các ước tính kế toán là phù hợp
  8. Ngoài các khoản mục liệt kê tại Phụ lục A, file Excel, tất cả các nghiệp vụ kinh tế đã được ghi chép đầy đủ trong sổ kế toán làm cơ sở cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.
  9. Công ty không có kế hoạch hay dự tính nào có thể ảnh hưởng tới giá trị ghi sổ hay việc phân loại tài sản, công nợ.
  10. Các vấn đề sau đây, trong phạm vi áp dụng thích hợp, đã được xác định phù hợp, ghi chép đầy đủ và trình bày hợp lý trên báo cáo tài chính hợp nhất:
    - a. Nghiệp vụ đối với các bên liên quan, các khoản phải thu, phải trả liên quan bao gồm các khoản mua, bán, đi vay, chuyển nhượng, thuê tài sản và bảo lãnh (bằng lời hay văn bản).
    - b. Giá trị các khoản phải thu từ hay phải trả cho các bên liên quan,
    - c. Các khoản bảo lãnh bằng lời hay bằng văn bản mà Công ty có nghĩa vụ hoàn trả.
  11. Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh với các bên liên quan là được thực hiện trên cơ sở giá thị trường và Ban Giám đốc nhận thức được các rủi ro có liên quan và chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề này với cơ quan thuế cũng như chuẩn bị các tài liệu chứng minh khi làm hồ sơ chống chuyển giá nộp cơ quan thuế theo quy định hiện hành.
  12. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Ban Giám đốc đã thực hiện các ước tính kế toán. Tất cả các ước tính

kế toán được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất nếu các thông tin hiện có trước ngày phát hành báo cáo cho thấy:

- a. Có cơ sở hợp lý cho thấy ước tính về mức độ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của một điều kiện, hoàn cảnh hoặc tình huống tại ngày của báo cáo sẽ bị thay đổi trong tương lai gần do ảnh hưởng của một hoặc một số sự kiện trong tương lai.
- b. Ảnh hưởng của sự thay đổi là trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.

13. Công ty không:

- a. Vi phạm hay có thể vi phạm luật và các quy định mà ảnh hưởng cần trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất hoặc là cơ sở cho việc ghi nhận công nợ tiềm tàng.
- b. Có các khoản bồi thường hay kiện tụng có thể có hay chắc chắn có mà các ảnh hưởng liên quan phải được xem xét, hạch toán và trình bày trên báo cáo tài chính và không cung cấp cho kiểm toán viên
- c. Các khoản công nợ hoặc thu nhập, chi phí tiềm tàng khác cần phải dự phòng hoặc trình bày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

14. Công ty là chủ sở hữu hợp pháp các tài sản đang sở hữu và không có bất kỳ một tài sản nào trong số này bị đem đi cầm cố, thế chấp hoặc bị cầm giữ.

15. Công ty đã tuân thủ mọi điều khoản của các hợp đồng mà hành vi vi phạm hợp đồng sẽ ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.

16. Không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

17. Công ty có trách nhiệm tính toán và bảo đảm các khoản dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi được tính đầy đủ cũng như cơ sở để xác định các khoản đó. Ban Giám đốc cho rằng không cần thiết để ghi nhận các khoản dự phòng trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản phải thu của Công ty tương đương với giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

18. Công ty không phát sinh khoản phải dự phòng cho các phí tổn liên quan đến việc thực hiện cam kết mua hàng nếu vượt quá nhu cầu bình thường hoặc với giá cao hơn giá thị trường.

19. Công ty không phát sinh khoản phải dự phòng cho các phí tổn liên quan đến việc thực hiện, hay không thực hiện được cam kết bán hàng trong tương lai.

20. Chúng tôi đã trình bày với các kiểm toán viên tất cả các điều khoản bán hàng, bao gồm cả quyền trả lại hàng mua hay điều chỉnh giá và các điều kiện bảo hành.

21. Việc đánh giá tài sản thuế thu nhập hoãn lại của Công ty đã được thực hiện theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

22. Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, dựa trên những phương pháp tính toán và ước tính mà Ban Giám đốc thấy phù hợp nhất, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã phản ánh đúng tiến độ thực hiện các công trình, dự án của Công ty và đã thể hiện hợp lý giá trị tất cả các công trình, dự án mà Công ty đang thực hiện và chưa được nghiệm thu quyết toán giá trị hoàn thành. Ban Giám đốc Công

ty cũng xác nhận đã cung cấp đầy đủ cho kiểm toán viên các tài liệu liên quan đến số liệu ghi nhận doanh thu, giá vốn và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình, dự án tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đồng thời đảm bảo tính chính xác của các tài liệu này.

23. Công ty đã lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Thông tư 210 có đề cập đến việc áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế (“IFRS”) khi trình bày và công bố các công cụ tài chính, tuy nhiên Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương ứng cho việc ghi nhận và đánh giá tài sản tài chính, bao gồm việc áp dụng giá trị hợp lý, theo IFRS. Do đó, Ban Giám đốc Công ty không đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 và các quy định hiện hành có liên quan chưa có hướng dẫn đầy đủ về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.

24. Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ lương với tổng số tiền là 7.484.185.017 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng quỹ lương được trích lập trong năm là phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty và sẽ được chi trả trước khi quyết toán thuế năm 2018. Ban Giám đốc tin tưởng rằng các khoản lương, thưởng và các khoản phúc lợi với số tiền là 1.524.030.435 đồng chi trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát, là phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như các quy định hiện hành.
25. Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho lô hàng là các ống khoan tồn kho từ năm 2014 với giá trị ước tính là 3.573.373.865 đồng. Ban Giám đốc chưa trích lập dự phòng hàng tồn kho do chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng hóa này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.
26. Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất này, một số khoản phải thu chưa xác nhận được với số tiền là 3.944.613.129 đồng, Ban Giám đốc tin tưởng rằng khoản phải thu này có khả năng thu hồi và đã được ghi nhận đầy đủ dựa trên quyền thu hồi từ khách của các khoản tiền này.
27. Đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinacomex – PVC và Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 790.746.600 VND và 1.289.456.395 VND đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nêu trên nên không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
28. Số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31



tháng 12 năm 2017, thể hiện số tiền còn phải thu liên quan đến Dự án Pin mặt trời theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 1.646.068.395 VND, đã quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được khoản phải thu đã quá hạn nói trên và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

29. Chi phí phát sinh liên quan dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí (“Dự án”) không được phê duyệt quyết toán với số tiền 1.549.572.606 đồng đang được trình bày ở khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, khoản chi phí này không có khả năng thu hồi và vì vậy cần ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn có thể thu hồi được chi phí đã ghi nhận, do đó không thực hiện ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh năm 2018.



**ĐO THỊ BÍCH HA**  
Tổng Giám đốc

**NGUYỄN NGỌC ANH**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

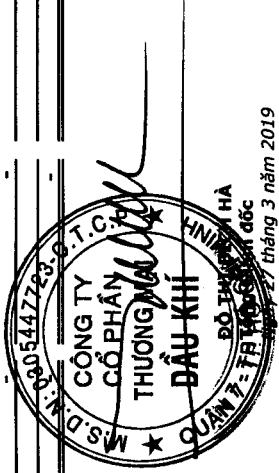
Đơn vị: VND

**PHỤ LỤC A**  
 Tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh  
 Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Diễn giải	Tài sản Ng/ (Cổ)	Công nợ Ng/ (Cổ)	Nguồn vốn Ng/ (Cổ)	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Ng/ (Cổ)	Tổng cộng
Các sai sót kỳ hiện tại					
Phần loại lại bản chất chi phí				1,463,566,241 (1,463,566,241)	
Tổng sai sót kỳ hiện tại					
Tổng cộng sai sót					

*(Handwritten signature)*

**NGUYỄN NGỌC ANH**  
 Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 30

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Chính	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2018)
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2018)
Ông Hoàng Dương	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Võ Khánh Hưng	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Bà Đỗ Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Hoàng Dương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đỗ Thị Bích Hà**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 07 tháng 3 năm 2019

Số: 358 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2019, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày ở Thuyết minh số 10 bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty có giá trị hàng hóa chậm luân chuyển được ghi nhận theo giá gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 3.573.373.865 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 23.350.491.991 đồng). Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá cho số lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển này do chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được theo các quy định kế toán hiện hành. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng tồn kho này của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết điều chỉnh số liệu này hay không.

Khoản mục đầu tư tài chính dài hạn được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng là 55.784.143.259 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 57.176.828.266 đồng). Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập đầy đủ thì chỉ tiêu "Đầu tư tài chính dài hạn" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm 735.459.479 đồng. Theo đó, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" và chỉ tiêu "Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ tăng với số tiền là 735.459.479 đồng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Quang Trung**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0733-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH  
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 07 tháng 3 năm 2019

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Trần Thị Kim Khánh**  
**Kiểm toán viên**

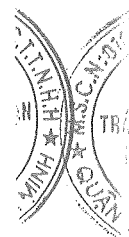
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0395-2018-001-1

002-1  
NH  
Y  
HỮU  
TE  
AM  
ỒCH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>216.704.237.407</b>	<b>208.528.154.607</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>58.386.414.836</b>	<b>61.082.462.011</b>
1. Tiền	111		9.675.668.477	17.432.643.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.710.746.359	43.649.818.521
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>47.356.461.986</b>	<b>17.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		37.027.459.622	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	129		(6.859.459.622)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.188.461.986	17.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>105.395.926.778</b>	<b>101.090.765.335</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	63.935.869.119	72.384.637.504
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	52.520.615.600	27.907.318.268
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.346.876.585	2.021.293.775
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.407.434.526)	(1.222.484.212)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>5.451.886.743</b>	<b>29.230.767.316</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.451.886.743	29.230.767.316
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>113.547.064</b>	<b>124.159.945</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	10.612.881
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	113.547.064	113.547.064





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>97.667.720.269</b>	<b>134.306.763.174</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>35.000.000</b>	<b>51.363.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	35.000.000	51.363.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.092.161.915</b>	<b>42.219.582.380</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	38.983.278.358	40.096.732.371
- Nguyên giá	222		60.711.142.857	50.329.988.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.727.864.499)	(10.233.256.291)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.108.883.557	2.122.850.009
- Nguyên giá	228		2.334.472.660	2.334.472.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(225.589.103)	(211.622.651)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>		<b>33.786.580.157</b>
- Nguyên giá	231		-	34.652.902.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(866.322.570)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>55.784.143.259</b>	<b>57.176.828.266</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.486.687.800	31.486.687.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.500.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.000.000.000	24.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.202.544.541)	(809.859.534)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>756.415.095</b>	<b>1.072.409.371</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		756.415.095	806.762.689
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	265.646.682
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>			<b>314.371.957.676</b>	<b>342.834.917.781</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>114.186.274.597</b>	<b>106.931.480.663</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>85.202.391.097</b>	<b>74.083.079.363</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	41.571.943.105	25.148.442.579
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	17.557.189.730	9.850.101.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	229.016.296	1.538.787.463
4. Phải trả người lao động	314		102.619.649	728.450.145
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	17.489.042.786	6.603.378.080
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	8.184.408.194	8.398.950.636
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	21.590.431.443
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.171.337	224.538.017
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.983.883.500</b>	<b>32.848.401.300</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	20	28.983.883.500	32.848.401.300
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>200.185.683.079</b>	<b>235.903.437.118</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>200.185.683.079</b>	<b>235.903.437.118</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		200.000.000.000	200.000.000.000
1. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.005.342.627	35.005.342.627
2. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			(34.819.659.548)	898.094.491
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		898.094.491	801.960.306
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(35.717.754.039)	96.134.185
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>314.371.957.676</b>	<b>342.834.917.781</b>



Phạm Thị Hồng Yến  
Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Anh  
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà  
Tổng Giám đốc  
Ngày 07 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		139.588.390.002		249.962.992.505	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	139.588.390.002		249.962.992.505	
3. Giá vốn hàng bán	11	24	133.336.763.179		230.772.210.773	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.251.626.823		19.190.781.732	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	5.806.265.752		5.166.153.671	
6. Chi phí tài chính	22	27	10.793.826.057		6.068.289.408	
7. Chi phí bán hàng	25	29	9.059.916.782		8.849.529.220	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	25.838.842.036		13.680.083.656	
9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(33.634.692.300)		(4.240.966.881)	
10. Thu nhập khác	31	28	496.311.852		4.518.186.279	
11. Chi phí khác	32	28	2.313.726.909		77.474.830	
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.817.415.057)		4.440.711.449	
13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(35.452.107.357)		199.744.568	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	-		369.257.065	
15. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		265.646.682		(265.646.682)	
16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(35.717.754.039)		96.134.185	

Phạm Thị Hồng Yến  
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Anh  
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Bích Hà  
Tổng Giám đốc  
Ngày 07 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(35.452.107.357)</b>	<b>199.744.568</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.127.420.465	2.171.535.314
Các khoản dự phòng	03	19.437.094.943	(989.867.822)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(196.357.068)	93.479.450
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.703.064.464)	(9.397.715.394)
Chi phí lãi vay	06	426.301.219	5.007.241.296
<b>3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(19.360.712.262)</b>	<b>(2.915.582.588)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(16.096.844.006)	40.814.458.237
Thay đổi hàng tồn kho	10	23.778.880.573	513.359.013
Thay đổi các khoản phải trả	11	28.497.202.488	11.783.456.195
Thay đổi chi phí trả trước	12	60.960.475	46.592.044
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	(37.027.459.622)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(449.446.018)	(5.399.129.731)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(20.597.418.372)</b>	<b>44.843.153.170</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	33.636.363.636	-
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	25	(17.188.461.986)	(38.000.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn	26	17.000.000.000	121.000.000.000
4. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	6.051.726.002	4.626.083.903
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>39.499.627.652</b>	<b>87.626.083.903</b>

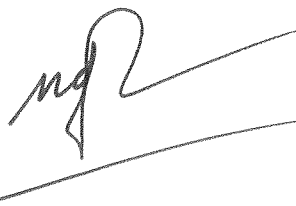
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	172.710.204.367
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(21.590.431.443)	(281.610.384.724)
3. Cổ tức đã trả	36	-	(339.018.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(21.590.431.443)</b>	<b>(109.239.198.607)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.688.222.163)</b>	<b>23.230.038.466</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>61.082.462.011</b>	<b>37.854.141.352</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.825.012)	(1.717.807)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>58.386.414.836</b>	<b>61.082.462.011</b>



**Phạm Thị Hồng Yến**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Ngọc Anh**  
 Kế toán trưởng



**Đỗ Thị Bích Hà**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 07 tháng 3 năm 2019

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 5 năm 2015. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 40 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 50 người).

#### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51.00	51.00	Kinh doanh chất, phụ gia xăng dầu
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	Quận Đống Đa, Hà Nội	51.85	51.85	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim	Tỉnh Thanh Hóa	25.00	25.00	Dịch vụ hậu cần dầu khí

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	50
Phương tiện vận tải	04 - 06
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng. Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	376.088.616	192.711.902
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.299.579.861	17.239.931.588
Các khoản tương đương tiền	48.710.746.359	43.649.818.521
	<b>58.386.414.836</b>	<b>61.082.462.011</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,3% - 5,5% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4,3% - 5,5% một năm). Ngoài ra, Công ty đã ký quỹ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 21.701.998.272 đồng để đảm bảo bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Số cuối năm	Số đầu năm		
			Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (VJC)	251.400	37.027.459.622	(6.859.459.622)	-	-	-

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ năm đến sáu tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,5% - 6,2% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 6,45% một năm).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Xây Lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí	32.595.194.180	-
Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	-	1.666.569.544
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	9.611.605.021	15.828.553.723
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	10.524.551.432
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	505.898.619	8.000.606.630
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	5.724.950.840	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	221.508.520	1.918.548.950
Liên doanh Vietsovpetro	920.168.320	894.869.317
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.388.959.787	10.938.140.115
<b>b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	8.246.083.832	16.466.736.451
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	3.721.500.000	6.146.061.342
	<b>63.935.869.119</b>	<b>72.384.637.504</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Ngọc Minh	17.571.913.010	5.403.706.531
Công ty TNHH Hưng Yên (*)	7.773.056.067	10.140.886.339
Công ty Technical America Inc	14.154.240.000	-
Hyundai RB Co., Ltd.	12.573.750.832	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Năng lượng xanh	-	5.015.000.000
Công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường LILAMA	-	3.981.910.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thảo Long	-	2.494.052.902
Các khoản ứng trước khác	447.655.691	871.762.496
	<b>52.520.615.600</b>	<b>27.907.318.268</b>

(\*) Đây là khoản ứng trước còn lại của Công ty liên quan đến việc kinh doanh cà phê theo hợp đồng 206/HYPETE.DV/11-2012.HĐHT ngày 12 tháng 11 năm 2012. Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên tại Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng để đòi lại khoản tiền này và Tòa án đã ra quyết định buộc Công ty TNHH Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty số tiền này theo Bản án số 02/2017/KDTM-PT ngày 09 tháng 5 năm 2017. Tuy nhiên, Công ty đánh giá khả năng thu hồi là thấp nên đã lập dự phòng toàn bộ số tiền này.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu về lãi tiền gửi	490.127.005	64.188.720
Tạm ứng cho nhân viên	-	30.000.000
Thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị	-	217.827.579
Cổ tức phải thu	658.799.360	1.709.277.476
Phải thu khác	197.950.220	-
	<b>1.346.876.585</b>	<b>2.021.293.775</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản ký quỹ	35.000.000	51.363.000
	<b>35.000.000</b>	<b>51.363.000</b>



**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương Liên doanh	221.508.520	221.508.520	1.918.548.950	1.700.796.545
Vietsovpetro	920.168.320	104.188.364	894.869.317	364.890.156
Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến	562.006.000	-	562.006.000	168.601.800
Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	52.395.750	-	1.666.569.544	1.615.117.270
Swiber Offshore Construction Pte Ltd	101.673.326	32.007.781	99.653.908	69.757.736
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	505.898.619	252.949.309	8.000.606.630	8.000.606.630
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	5.724.950.840	2.862.475.420	5.724.950.840	5.724.950.840
Schlumberger Seaco Inc.	18.906.478	-	18.906.478	18.906.478
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	-	10.140.886.339	10.140.886.339
	<b>15.880.563.920</b>	<b>3.473.129.394</b>	<b>29.026.998.006</b>	<b>27.804.513.794</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Hàng mua đang đi đường</b>	<b>756.980.768</b>	-
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<b>1.094.748.575</b>	<b>4.547.972.397</b>
- Thiết kế đi dờ trung tâm dữ liệu cho HD Bank	842.590.350	1.379.184.584
- Bảo hành bảo trì thiết bị HB	-	497.917.605
- Dự án kho xăng dầu Nghi Sơn	-	1.428.030.000
- Các hợp đồng khác	252.158.225	1.242.840.208
<b>Hàng hóa (*)</b>	<b>3.594.931.503</b>	<b>24.682.794.919</b>
<b>Hàng gửi đi bán</b>	<b>5.225.897</b>	-
	<b>5.451.886.743</b>	<b>29.230.767.316</b>

(\*) Bao gồm trong giá trị hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là giá trị của hàng hóa tồn từ năm 2014 với số tiền là 3.573.373.865 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 23.350.491.991 đồng). Theo đánh giá của Ban Giám đốc, số hàng hóa này bị chậm luân chuyển và giá trị thuần có thể thực hiện được có khả năng thấp hơn giá gốc hàng hóa đang được ghi nhận. Tuy nhiên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty chưa trích lập dự phòng hàng tồn kho do chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng hóa này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	46.621.913.606	1.692.280.850	1.959.879.458	55.914.748	50.329.988.662
Tăng khác (*)	-	-	10.547.458.719	-	10.547.458.719
Giảm khác	-	-	(166.304.524)	-	(166.304.524)
Số dư cuối năm	<u>46.621.913.606</u>	<u>1.692.280.850</u>	<u>12.341.033.653</u>	<u>55.914.748</u>	<u>60.711.142.857</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	6.868.227.129	1.349.234.956	1.959.879.458	55.914.748	10.233.256.291
Khấu hao trong năm	995.729.765	117.724.248	-	-	1.113.454.013
Tăng khác (*)	-	-	10.547.458.719	-	10.547.458.719
Giảm khác	-	-	(166.304.524)	-	(166.304.524)
Số dư cuối năm	<u>7.863.956.894</u>	<u>1.466.959.204</u>	<u>12.341.033.653</u>	<u>55.914.748</u>	<u>21.727.864.499</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b><u>39.753.686.477</u></b>	<b><u>343.045.894</u></b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b><u>40.096.732.371</u></b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>38.757.956.712</u></b>	<b><u>225.321.646</u></b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b><u>38.983.278.358</u></b>

(\*) Tăng khác thể hiện tài sản là phòng máy chủ đã thanh lý năm trước nhưng bị trả lại năm nay tại ngày 18 tháng 4 năm 2018.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 15.246.654.892 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.631.016.188 đồng).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>2.180.000.000</u>	<u>154.472.660</u>	<u>2.334.472.660</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	57.149.991	154.472.660	211.622.651
Khấu hao trong năm	13.966.452	-	13.966.452
Số dư cuối năm	<u>71.116.443</u>	<u>154.472.660</u>	<u>225.589.103</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b><u>2.122.850.009</u></b>	<b>-</b>	<b><u>2.122.850.009</u></b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>2.108.883.557</u></b>	<b>-</b>	<b><u>2.108.883.557</u></b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 154.472.650 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 154.472.650 đồng).

**13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Nhà cửa và  
quyền sử dụng đất  
VND

**NGUYÊN GIÁ**

Số dư đầu năm	34.652.902.727
Thanh lý	(34.652.902.727)
Số dư cuối năm	-

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư đầu năm	866.322.570
Giảm do thanh lý	(866.322.570)
Số dư cuối năm	-

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày đầu năm **33.786.580.157**

Tại ngày cuối năm **-**

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 09/BB-TMDK ngày 07 tháng 4 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc thanh lý toàn bộ bất động sản đầu tư của Công ty là hai căn biệt thự Kim Long KL23 và KL25 tại Khu dân cư Phú Long, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc thanh lý đã được thực hiện trong năm.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.547.064	-	-	113.547.064
	<b>113.547.064</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>113.547.064</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.288.628.499	3.765.315.993	5.015.566.249	38.378.243
Thuế nhập khẩu	-	204.419.232	204.419.232	-
Thuế thu nhập cá nhân	250.158.964	194.810.542	254.331.453	190.638.053
Thuế nhà thầu, thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
	<b>1.538.787.463</b>	<b>4.169.545.767</b>	<b>5.479.316.934</b>	<b>229.016.296</b>

002  
ANH  
TY  
HUU  
TTE  
NAM  
HOC

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	9.526.687.800	-	9.526.687.800	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	21.960.000.000	(719.912.860)	21.960.000.000	-
	<b>31.486.687.800</b>	<b>(719.912.860)</b>	<b>31.486.687.800</b>	-

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim (*)	2.500.000.000	(1.482.631.681)	2.500.000.000	(809.859.534)
	<b>2.500.000.000</b>	<b>(1.482.631.681)</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>(809.859.534)</b>

(\*) Công ty chưa trích lập đủ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Nếu dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập thì khoản Đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm 735.459.479 đồng.

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (\*\*)**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
	<b>24.000.000.000</b>	-	<b>24.000.000.000</b>	-

(\*\*) Thông tin chi tiết về các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,50	5,50	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,00	2,00	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan



**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải trả người bán là bên thứ ba</b>				
- Trlm Systems Pte Ltd.	-	-	1.900.725.174	1.900.725.174
- Công ty TNHH Mỹ Thuật Sáng Tạo	3.181.952.383	3.181.952.383	3.181.952.383	3.181.952.383
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Kiến Hoa	2.229.925.909	2.229.925.909	2.229.925.909	2.229.925.909
- Penglai Jlnwang Abrasive Material Company Limited	21.240.429.720	21.240.429.720	-	-
- Phải trả các khách hàng khác	3.501.612.400	3.501.612.400	7.592.131.970	7.592.131.970
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.892.362.943	10.892.362.943	9.192.387.643	9.192.387.643
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	525.659.750	525.659.750	1.051.319.500	1.051.319.500
	<b>41.571.943.105</b>	<b>41.571.943.105</b>	<b>25.148.442.579</b>	<b>25.148.442.579</b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Liên doanh Việt Nga Vietsovetro	12.727.088.730	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	4.380.101.000	4.380.101.000
Các khách hàng khác	450.000.000	5.470.000.000
	<b>17.557.189.730</b>	<b>9.850.101.000</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	610.797.991	610.797.991
Chi phí lãi vay	-	23.144.799
Chi phí vận hành nhà máy điện Cà Mau	15.743.806.215	1.023.854.342
Dự án nhà máy Nhơn Trạch 2	-	504.805.412
Dự án hóa dầu Bình Sơn	-	3.029.292.044
Dự án Nghi Sơn	209.610.000	823.428.000
Chi phí phải trả khác	544.992.100	208.219.012
	<b>17.489.042.786</b>	<b>6.603.378.080</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	5.133.547.250	5.262.645.300
Lãi trả chậm phải trả	1.975.912.346	1.439.914.294
Kinh phí công đoàn	372.745.524	795.340.481
Bảo hiểm y tế xã hội	412.227.371	556.226.664
Bảo hiểm thất nghiệp	24.558.092	34.733.089
Phải trả khác	265.417.611	310.090.808
	<b>8.184.408.194</b>	<b>8.398.950.636</b>

**20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>28.983.883.500</u>	<u>32.848.401.300</u>

Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11, tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuế giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	3.864.517.800	7.681.587.643
Trong năm thứ hai	3.864.517.800	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.593.553.400	11.593.553.400
Sau năm năm	<u>13.525.812.300</u>	<u>17.390.330.100</u>
	<b><u>32.848.401.300</u></b>	<b><u>40.529.988.943</u></b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.864.517.800	7.681.587.643
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>28.983.883.500</u></b>	<b><u>32.848.401.300</u></b>

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn cổ phần đã phát hành**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>34.986.403.149</b>	<b>1.279.843.524</b>	<b>236.266.246.673</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	96.134.185	96.134.185
Phân phối lợi nhuận	-	18.939.478	(477.883.218)	(458.943.740)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>35.005.342.627</b>	<b>898.094.491</b>	<b>235.903.437.118</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	(35.717.754.039)	(35.717.754.039)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>35.005.342.627</b>	<b>(34.819.659.548)</b>	<b>200.185.683.079</b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại:</b>			
- Đô la Mỹ	USD	159.150	148.389
- Euro	EUR	3.232	3.232

**23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	103.772.699.539	247.554.902.279
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	33.636.363.636	-
Doanh thu cho thuê nhà	2.179.326.827	2.408.090.226
	<b>139.588.390.002</b>	<b>249.962.992.505</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	98.953.551.175	230.067.822.767
Giá vốn của bất động sản đầu tư	34.360.485.343	-
Giá vốn cho thuê nhà	22.726.661	704.388.006
	<b>133.336.763.179</b>	<b>230.772.210.773</b>

**25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí mua hàng hóa	98.403.940.061	230.122.416.509
Chi phí nhân công	7.775.512.176	10.755.823.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.127.420.465	2.171.535.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.181.478.030	3.692.756.218
Chi phí khác	56.747.171.265	6.559.292.408
	<b><u>168.235.521.997</u></b>	<b><u>253.301.823.649</u></b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	4.023.016.810	3.230.872.690
Lãi chênh lệch tỷ giá	379.079.581	41.165.549
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.404.169.361	1.894.115.432
	<b><u>5.806.265.752</u></b>	<b><u>5.166.153.671</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lãi tiền vay	426.301.219	5.007.241.296
Lãi trả chậm	2.112.471.847	2.120.656.794
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.908.362	130.162.930
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá đầu tư	8.252.144.629	(1.189.771.612)
	<b><u>10.793.826.057</u></b>	<b><u>6.068.289.408</u></b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
<b>a. Doanh thu khác</b>		
Tiền thu từ bồi thường hợp đồng	244.558.140	381.439.687
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	15.545.455	2.136.363.636
Tất toán công nợ phải trả	-	1.833.877.525
Các khoản khác	236.208.257	166.505.431
	<b><u>496.311.852</u></b>	<b><u>4.518.186.279</u></b>
<b>b. Chi phí khác</b>		
Hoàn nhập thu nhập từ thanh lý tài sản năm 2017	2.136.363.636	-
Tiền phạt	177.363.273	77.474.830
	<b><u>2.313.726.909</u></b>	<b><u>77.474.830</u></b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	3.291.192.950	4.098.128.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.092.705.307	2.610.608.480
Chi phí khác	4.676.018.525	2.140.792.440
	<b>9.059.916.782</b>	<b>8.849.529.220</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	4.484.319.226	6.657.694.900
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.495.539	54.627.108
Chi phí khấu hao	1.104.693.804	1.467.113.942
Chi phí dự phòng	15.491.451.536	199.903.790
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.135.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.905.760.884	1.082.147.738
Chi phí khác	2.788.121.047	4.213.460.628
	<b>25.838.842.036</b>	<b>13.680.083.656</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	369.257.065
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>369.257.065</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(35.452.107.357)	199.744.568
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.491.268.381)	(1.958.304.152)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.028.859.982	3.604.844.909
(Lỗ)/Thu nhập tính thuế năm hiện hành	(35.914.515.756)	1.846.285.325
Thuế suất thông thường 20%	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>369.257.065</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Chênh lệch tạm thời	265.646.682	(265.646.682)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>265.646.682</b>	<b>(265.646.682)</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (2017: 20%) trên thu nhập tính thuế.

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và (lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản vay	-	21.590.431.443
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	58.386.414.836	61.082.462.011
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>200.185.683.079</u>	<u>235.903.437.118</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	58.386.414.836	61.082.462.011
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.910.311.178	73.234.810.067
Các khoản đầu tư tài chính	<u>71.356.461.986</u>	<u>41.000.000.000</u>
	<b><u>182.653.188.000</u></b>	<b><u>175.317.272.078</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	21.590.431.443
Phải trả người bán và phải trả khác	77.665.286.201	64.699.403.473
Chi phí phải trả	<u>17.489.042.786</u>	<u>6.603.378.080</u>
	<b><u>95.154.328.987</u></b>	<b><u>92.893.212.996</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ ("USD")	4.064.288.184	3.349.010.082	21.428.025.720	2.084.919.174
Bảng Anh ("GBP")	-	-	119.178.264	124.459.931
Euro ("EUR")	85.337.326	2.026.350	-	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với Đồng Việt Nam thì (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm 2017 sẽ (tăng)/giảm một khoản tiền tương ứng lần lượt là (520.912.126) đồng và 37.922.727 đồng. Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR và GBP, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Nếu giá cổ phiếu đầu tư giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm 3.702.745.962 đồng.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khoản phải thu khách hàng đã được Công ty trích lập dự phòng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

002  
ANH  
TY  
HUU  
ITE  
AM  
IÖC

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

<b>Số cuối năm</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương	58.386.414.836	-	-	58.386.414.836
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.875.311.178	35.000.000	-	52.910.311.178
Các khoản đầu tư tài chính	47.356.461.986	24.000.000.000	-	71.356.461.986
	<b><u>158.618.188.000</u></b>	<b><u>24.035.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>182.653.188.000</u></b>
<b>Các khoản vay</b>	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	48.681.402.701	15.458.071.200	13.525.812.300	77.665.286.201
Chi phí phải trả	17.489.042.786	-	-	17.489.042.786
	<b><u>66.170.445.487</u></b>	<b><u>15.458.071.200</u></b>	<b><u>13.525.812.300</u></b>	<b><u>95.154.328.987</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>92.447.742.513</u></b>	<b><u>8.576.928.800</u></b>	<b><u>(13.525.812.300)</u></b>	<b><u>87.498.859.013</u></b>
<b>Số đầu năm</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương	61.082.462.011	-	-	61.082.462.011
Phải thu khách hàng và phải thu khác	73.183.447.067	51.363.000	-	73.234.810.067
Các khoản đầu tư tài chính	17.000.000.000	24.000.000.000	-	41.000.000.000
	<b><u>151.265.909.078</u></b>	<b><u>24.051.363.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>175.317.272.078</u></b>
<b>Các khoản vay</b>	21.590.431.443	-	-	21.590.431.443
Phải trả người bán và phải trả khác	31.851.002.173	15.458.071.200	17.390.330.100	64.699.403.473
Chi phí phải trả	6.603.378.080	-	-	6.603.378.080
	<b><u>60.044.811.696</u></b>	<b><u>15.458.071.200</u></b>	<b><u>17.390.330.100</u></b>	<b><u>92.893.212.996</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>91.221.097.382</u></b>	<b><u>8.593.291.800</u></b>	<b><u>(17.390.330.100)</u></b>	<b><u>82.424.059.082</u></b>

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

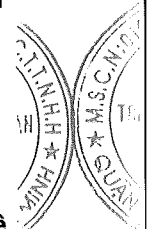
**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam  
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh  
(GEC)  
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông  
và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)  
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim  
Công ty Cổ phần hàng không Vietjet

**Mối quan hệ**

Cổ đồng  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty liên kết  
Bên liên quan khác





Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	3.602.126.149	15.730.050.812
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	111.951.454
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>6.261.946.400</u>	<u>92.206.882.221</u>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	50.496.790	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>4.870.445.455</u>	<u>811.254.545</u>
<b>Lãi trả chậm</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.621.253.984</u>	<u>2.120.656.794</u>
<b>Cổ tức nhận được</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	150.000.000	100.728.825
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	658.799.360	-
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (VJC)	595.370.001	-
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>-</u>	<u>1.793.386.607</u>
<b>Mua cổ phiếu</b>		
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (VJC)	<u>37.027.459.622</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>348.000.000</u>	<u>1.176.000.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	8.246.083.832	16.466.736.451
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>3.721.500.000</u>	<u>6.146.061.342</u>
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	658.799.360	-
Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh	<u>-</u>	<u>1.709.277.476</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.892.362.943	9.192.387.643
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	525.659.750	1.051.319.500
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>28.983.883.500</u>	<u>32.848.401.300</u>
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>		
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (VJC)	<u>37.027.459.622</u>	<u>-</u>



**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền là 1.148.926.365 đồng (2017: 1.773.466.196 đồng), là số lãi tiền gửi và cổ tức được chia phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



**Phạm Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu



**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Thị Bích Hà**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 07 tháng 3 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 31

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Chính	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2018)
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 10 năm 2018)
Ông Hoàng Dương	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Võ Khánh Hưng	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên

##### Ban Giám đốc

Bà Đỗ Thị Bích Hà	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Hoàng Dương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2018)
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đỗ Thị Bích Hà**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Số: 610 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019, từ trang 4 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại thuyết minh số 06 và 08 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa trích lập đầy đủ Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex và Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt với số tiền là 1.646.068.395 đồng, 395.373.300 đồng và 644.728.197 đồng. Dựa vào các tài liệu mà chúng tôi thu thập được, nếu Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập thì chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" và "Phải thu ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm lần lượt với số tiền là 1.040.101.497 đồng và 1.646.068.395 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chỉ tiêu "Chi phí quản lý" và chỉ tiêu "Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ tăng lần lượt với số tiền là 2.686.169.892 đồng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Như trình bày ở Thuyết minh số 10 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty có giá trị hàng hóa chậm luân chuyển được ghi nhận theo giá gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 3.573.373.865 đồng. Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá cho số lượng hàng tồn kho chậm luân chuyển này do chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được theo các quy định kế toán hiện hành. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng tồn kho này của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết điều chỉnh số liệu này hay không.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận chi phí phát sinh liên quan dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") không được phê duyệt quyết toán và do đó chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ với số tiền 4.648.715.211 đồng được trình bày ở khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang". Như trình bày tại thuyết minh 14 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 93/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí, chi phí này được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm từ năm 2017 đến năm 2019. Theo đó chi phí liên quan đến Dự án này được phân bổ và ghi nhận vào khoản mục "Chi phí khác" trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018 với số tiền 1.549.572.606 đồng, số còn lại được trình bày trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 1.549.572.606 đồng. Nếu ghi nhận phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được phê duyệt quyết toán cần được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí khác" trong năm 2015. Theo đó, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" và khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm với số tiền là 1.549.572.606 đồng. Đồng thời khoản mục "Chi phí khác" trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018 giảm với số tiền là 1.549.572.606 đồng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Quang Trung**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0733-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH  
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Trần Thị Kim Khánh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0395-2018-001-1

1-002  
ÁNH  
TY  
HƯU  
TTE  
AM  
100

77  
37  
H/  
NG  
JY  
PH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>369.725.946.401</b>	<b>297.641.291.996</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>77.105.852.031</b>	<b>78.204.085.617</b>
1. Tiền	111		14.477.681.014	28.154.267.096
2. Các khoản tương đương tiền	112		62.628.171.017	50.049.818.521
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>67.256.461.986</b>	<b>36.900.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		37.027.459.622	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	129		(6.859.459.622)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37.088.461.986	36.900.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>162.411.365.106</b>	<b>119.458.759.833</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	119.066.154.065	91.260.540.116
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	53.943.560.860	28.284.615.898
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.713.596.338	3.000.498.164
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(15.311.946.157)	(3.086.894.345)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>58.823.384.339</b>	<b>60.979.755.082</b>
1. Hàng tồn kho	141		59.130.516.294	60.979.755.082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(307.131.955)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.128.882.939</b>	<b>2.098.691.464</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		266.453.142	330.501.264
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.748.882.733	1.654.643.136
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	113.547.064	113.547.064
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>107.677.174.416</b>	<b>128.708.613.276</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19.485.300.480</b>	<b>817.603.360</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		18.684.060.120	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	801.240.360	817.603.360
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>56.858.867.306</b>	<b>59.174.959.789</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	47.243.825.699	49.545.951.730
- Nguyên giá	222		83.913.670.435	73.426.160.687
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.669.844.736)	(23.880.208.957)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.615.041.607	9.629.008.059
- Nguyên giá	228		10.119.293.710	10.119.293.710
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(504.252.103)	(490.285.651)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>33.786.580.157</b>
- Nguyên giá	231		-	34.652.902.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(866.322.570)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>1.549.572.606</b>	<b>3.099.145.211</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.549.572.606	3.099.145.211
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>26.267.270.399</b>	<b>26.861.042.903</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.267.270.399	2.861.042.903
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.000.000.000	24.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.516.163.625</b>	<b>4.969.281.856</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.252.835.401	2.012.935.640
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		9.636.345	265.646.682
3. Lợi thế thương mại	269	16	2.253.691.879	2.690.699.534
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>477.403.120.817</b>	<b>426.349.905.272</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>232.369.785.105</b>		<b>151.879.605.775</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>185.075.522.687</b>		<b>119.031.204.475</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	134.960.801.229		61.178.269.637	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	19.951.342.090		10.849.515.360	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.323.344.692		2.576.701.026	
4. Phải trả người lao động	314		1.477.240.830		2.202.356.039	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	18.007.142.786		7.484.778.080	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.771.200		-	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	9.098.002.252		10.686.094.534	
8. Vay ngắn hạn	320		-		23.590.431.443	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		246.877.608		463.058.356	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.294.262.418</b>		<b>32.848.401.300</b>	
1. Phải trả người bán dài hạn	331	22	47.294.262.418		32.848.401.300	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>245.033.335.712</b>		<b>274.470.299.497</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>245.033.335.712</b>		<b>274.470.299.497</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	200.000.000.000		200.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000		200.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	35.743.925.706		35.705.112.056	
3. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	(23.724.724.402)		6.564.634.363	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		6.448.193.408		7.092.545.228	
- Lỗ sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(30.172.917.810)		(527.910.865)	
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	24	33.014.134.408		32.200.553.078	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>477.403.120.817</b>		<b>426.349.905.272</b>	

**Phạm Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu

**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Thị Bích Hà**  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		544.058.172.071	792.474.781.956
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	27	544.058.172.071	792.474.781.956
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	28	515.266.754.795	747.203.186.237
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28.791.417.276	45.271.595.719
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	7.087.743.972	5.058.581.877
6. Chi phí tài chính	22	31	9.401.141.050	7.307.469.227
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.538.773.066	7.177.306.297
7. Chi phí bán hàng	25	32	11.921.773.691	11.677.682.441
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	37.026.332.936	29.703.880.821
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(22.470.086.429)	1.641.145.107
10. Thu nhập khác	31		604.725.903	4.540.631.734
11. Chi phí khác	32		4.323.551.591	1.710.373.920
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(3.718.825.688)	2.830.257.814
13. Phần lỗ trong công ty liên kết	45	15	(593.772.504)	(765.157.409)
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(26.782.684.621)	3.706.245.512
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	1.636.766.826	2.236.632.768
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		256.010.337	(170.366.559)
17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(28.675.461.784)	1.639.979.303
Phân bổ cho:				
- Cổ đông không kiểm soát	61	24	1.497.456.026	2.607.816.946
- Cổ đông của Công ty mẹ	62		(30.172.917.810)	(967.837.643)
<b>18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>34</b>	<b>(1.509)</b>	<b>(58)</b>

**Phạm Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu

**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Thị Bích Hà**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2019

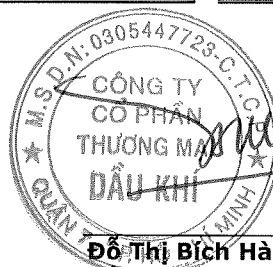
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<b>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(26.782.684.621)</b>		<b>3.706.245.512</b>	
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.422.448.036		3.511.404.296	
- Các khoản dự phòng	03	19.391.643.389		199.903.790	
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(196.357.068)		93.479.450	
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.415.102.761)		(5.604.207.359)	
- Chi phí lãi vay, lãi trả chậm	06	2.538.773.066		7.177.306.297	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(7.041.279.959)</b>		<b>9.084.131.986</b>	
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(75.125.405.279)		(5.816.344.952)	
- Thay đổi hàng tồn kho	10	1.849.238.788		11.671.256.769	
- Thay đổi các khoản phải trả	11	105.027.291.514		36.159.370.506	
- Thay đổi chi phí trả trước	12	1.261.156.016		664.568.587	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(37.027.459.622)		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.025.919.813)		(6.129.280.438)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.568.178.132)		(1.498.062.463)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(293.808.053)		(976.957.333)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(14.944.364.540)</b>		<b>43.158.682.662</b>	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(106.355.553)		(71.950.000)	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	33.636.363.636		-	
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(20.188.461.986)		(38.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	20.000.000.000		101.100.000.000	
5. Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	5.895.920.450		6.560.939.068	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>39.237.466.547</b>		<b>69.588.989.068</b>	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền thu từ đi vay	33	-		178.710.204.367	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.590.431.443)		(285.610.384.724)	
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.793.079.138)		(419.828.983)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(25.383.510.581)</b>		<b>(107.320.009.340)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(1.090.408.574)</b>		<b>5.427.662.390</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>78.204.085.617</b>		<b>72.778.141.034</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.825.012)		(1.717.807)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>77.105.852.031</b>		<b>78.204.085.617</b>	

**Phạm Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu

**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Thị Bích Hà**  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **1. THÔNG TIN CHUNG**

#### **Công ty mẹ**

##### ***Hình thức sở hữu vốn***

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305447723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 40 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 50 người).

##### ***Hoạt động chính***

Hoạt động chính của Công ty mẹ là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí. Mua bán thiết bị vật tư, phụ tùng, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giáo thông vận tải, nông lâm ngư nghiệp. Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường.

#### **Công ty con**

Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh (gọi tắt là "Công ty GEC") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500867357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 4 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Tổng số nhân viên của Công ty GEC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 16 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 14 người). Hoạt động chính của Công ty GEC là mua bán các sản phẩm phụ gia dầu mỡ, phối trộn các sản phẩm xăng, dầu mỡ, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thay thế xăng pha cồn Etanol, diesel sinh học. Công ty GEC có trụ sở chính tại Ô 1, Ấp Bắc, Xã Hòa Long, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại Công ty GEC là 51%.

Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty PAIC") được thành lập tại Hà Nội với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103349508 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009 là 42.352.900.000 đồng. Tổng số nhân viên của Công ty PAIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 84 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 89 người). Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch. Công ty PAIC có trụ sở chính ở tại tầng 17, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty mẹ tại PAIC là 51,85%.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và các khoản chi phí phải trả.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### *Chứng khoán kinh doanh*

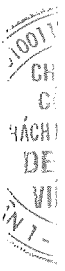
Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.



Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

500-  
NHÀ  
NG T  
HIỆM H  
ĐỊT  
T NA  
TP. HC

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, giá trị phần mềm máy tính và giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Giấy phép sản xuất và ứng dụng đại trà phụ gia CN120 không trích khấu hao vì không có thời hạn.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất năm mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí bảo trì văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo trì văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước. Chi phí bảo trì trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng văn phòng.

Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị các thiết bị văn phòng đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Tiền mặt	652.916.524	444.252.118
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.824.764.490	27.710.014.978
Các khoản tương đương tiền	62.628.171.017	50.049.818.521
	<b><u>77.105.852.031</u></b>	<b><u>78.204.085.617</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,3% - 5,5% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4,3% - 5,5% một năm). Trong đó, Công ty đã ký quỹ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 21.701.998.272 đồng để đảm bảo bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

54  
CÔNG  
TH  
T

TRẮC  
Đ  
V  
QUẢN 1

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (VJC)	251.400	37.027.459.622	(6.859.459.622)	-	-	-

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ năm đến sáu tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 5,5% - 6,2% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5,5% - 6,45% một năm).

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>83.576.384.133</b>	<b>74.793.803.665</b>
- Công ty Cổ phần Xây Lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí	32.595.194.180	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	221.508.520	1.918.548.950
- Liên Doanh Vietsovpetro	920.168.320	894.869.317
- Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	-	1.666.569.544
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	505.898.619	8.000.606.630
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	5.724.950.840	-
- Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	9.611.605.021	15.828.553.723
- Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	10.524.551.432
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (I)	1.864.410.133	1.864.410.133
- Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh (II)	1.289.456.395	1.289.456.395
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex (III)	790.746.600	790.746.600
- Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	9.563.776.200	-
- Các khoản phải thu các khách hàng khác	20.488.669.305	32.015.490.941
<b>b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>35.489.769.932</b>	<b>16.466.736.451</b>
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	35.489.769.932	16.466.736.451
	<b><u>119.066.154.065</u></b>	<b><u>91.260.540.116</u></b>
<b>c. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>18.684.060.120</b>	-
- Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	18.684.060.120	-
	<b><u>137.750.214.185</u></b>	<b><u>91.260.540.116</u></b>

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội theo Hợp đồng "Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học phía Bắc" là 1.864.410.134 đồng và đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu trên với số tiền là 1.864.410.134 đồng.
- (ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Xi Măng Công Thanh theo tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.289.456.395 đồng đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, Công ty chỉ thực hiện trích lập 50% dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 644.728.198 VND.
- (iii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinacomex - PVC theo Hợp đồng cung cấp hệ thống điện nhẹ cho khách sạn Lam Kinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 790.746.600 đồng đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, Công ty chỉ thực hiện trích lập dự phòng 50% khoản phải thu khó đòi với số tiền 395.373.300 đồng.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại Ngọc Minh	17.571.913.010	5.403.706.531
Công ty TNHH Hưng Yên (*)	7.773.056.067	10.140.886.339
Công ty Technical America Inc	14.154.240.000	-
Công ty HYUNDAI RB CO., LTD	12.573.750.832	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Năng lượng xanh	-	5.015.000.000
Các khoản ứng trước khác	1.870.600.951	7.725.023.028
	<b>53.943.560.860</b>	<b>28.284.615.898</b>

(\*) Đây là khoản ứng trước còn lại của Công ty liên quan đến việc kinh doanh cà phê theo hợp đồng 206/HYPETE.DV/11-2012.HĐHT ngày 12 tháng 11 năm 2012. Công ty đã tiến hành khởi kiện Công ty TNHH Hưng Yên tại Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng để đòi lại khoản tiền này và Tòa án đã ra quyết định buộc Công ty TNHH Hưng Yên phải thanh toán cho Công ty số tiền này theo Bản án số 02/2017/KDTM-PT ngày 09 tháng 5 năm 2017. Số dư khoản ứng trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 10.140.886.339 đồng, Công ty đã thu hồi trong năm 2018 với số tiền 2.367.830.272 đồng. Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đánh giá khả năng thu hồi là thấp nên đã lập dự phòng toàn bộ số tiền này.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng cho nhân viên	1.070.600.000	494.517.565
Các khoản ký quỹ	900.000	900.000
Phải thu về lãi tiền gửi	876.932.661	64.188.720
Thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị	-	217.827.579
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	1.646.068.395	1.646.068.395
Phải thu khác	1.119.095.282	576.995.905
	<b>4.713.596.338</b>	<b>3.000.498.164</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản ký quỹ	801.240.360	817.603.360
	<b>801.240.360</b>	<b>817.603.360</b>

(\*) Số dư phải thu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện số tiền còn phải thu liên quan đến dự án Pin mặt trời theo Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 1.646.068.395 đồng, đã quá hạn thanh toán.

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Hanh Xương	221.508.520	221.508.520	1.918.548.950	1.700.796.545
Liên Doanh Vletsovpetro	920.168.320	104.188.364	5.597.545.317	5.067.566.156
Doanh nghiệp Tư nhân Cà phê Minh Tiến	562.006.000	-	562.006.000	168.601.800
Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam	52.395.750	-	1.666.569.544	1.615.117.270
Swlber Offshore Construction Pte Ltd	101.673.326	32.007.781	99.653.908	69.757.736
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	505.898.619	252.949.309	-	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	5.724.950.840	2.862.475.420	-	-
Schlumberger Seaco Inc.	18.906.478	-	-	-
Công ty TNHH Hưng Yên	7.773.056.067	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.864.410.133	-	1.864.410.133	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Vinaconex PVC	790.746.600	395.373.300	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	1.289.456.395	644.728.197	-	-
	<b>19.825.177.048</b>	<b>4.513.230.891</b>	<b>11.708.733.852</b>	<b>8.621.839.507</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Hàng mua đang đi đường</b>	<b>756.980.768</b>	-
<b>Nguyên vật liệu</b>	<b>51.636.746.459</b>	<b>31.591.959.531</b>
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, trong đó:</b>	<b>3.136.631.667</b>	<b>4.705.000.632</b>
- Thiết kế di dời trung tâm dữ liệu cho HD Bank	842.590.350	1.379.184.584
- Bảo hành, bảo trì thiết bị HB	-	497.917.605
- Dự án kho xăng dầu Nghi Sơn	-	1.428.030.000
- Các hợp đồng khác	2.294.041.317	1.399.868.443
<b>Hàng hóa (*)</b>	<b>3.594.931.503</b>	<b>24.682.794.919</b>
<b>Hàng gửi đi bán</b>	<b>5.225.897</b>	-
	<b><u>59.130.516.294</u></b>	<b><u>60.979.755.082</u></b>

(\*) Bao gồm trong giá trị hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là giá trị của hàng hóa tồn từ năm 2014 với số tiền là 3.573.373.865 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 23.350.491.991 đồng). Theo đánh giá của Ban Giám đốc, số hàng hóa này bị chậm luân chuyển và giá trị thuần có thể thực hiện được có khả năng thấp hơn giá gốc hàng hóa đang được ghi nhận. Tuy nhiên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty chưa trích lập dự phòng hàng tồn kho do chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng hóa này tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	60.685.518.072	6.467.632.269	4.140.316.784	2.076.778.814	55.914.748	73.426.160.687
Tăng khác	-	-	106.355.553	10.547.458.719	-	10.653.814.272
Giảm khác	-	-	-	(166.304.524)	-	(166.304.524)
Số dư cuối năm	<u>60.685.518.072</u>	<u>6.467.632.269</u>	<u>4.246.672.337</u>	<u>12.457.933.009</u>	<u>55.914.748</u>	<u>83.913.670.435</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	11.593.475.532	6.389.573.674	3.764.466.189	2.076.778.814	55.914.748	23.880.208.957
Khấu hao trong năm	2.013.630.773	51.047.775	343.803.036	-	-	2.408.481.584
Tăng khác	-	-	-	10.547.458.719	-	10.547.458.719
Giảm khác	-	-	-	(166.304.524)	-	(166.304.524)
Số dư cuối năm	<u>13.607.106.305</u>	<u>6.440.621.449</u>	<u>4.108.269.225</u>	<u>12.457.933.009</u>	<u>55.914.748</u>	<u>36.669.844.736</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	<u>49.092.042.540</u>	<u>78.058.595</u>	<u>375.850.595</u>	-	-	<u>49.545.951.730</u>
Tại ngày cuối năm	<u>47.078.411.767</u>	<u>27.010.820</u>	<u>138.403.112</u>	-	-	<u>47.243.825.699</u>

(\*) Tăng khác thể hiện tài sản là phòng máy chủ đã thanh lý năm trước nhưng bị trả lại năm nay tại ngày 18 tháng 4 năm 2018.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 23.692.439.653 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 23.039.590.940 đồng).

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm và cuối năm	2.180.000.000	433.135.660	7.506.158.050	10.119.293.710
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	57.149.991	433.135.660	-	490.285.651
Khấu hao trong năm	13.966.452	-	-	13.966.452
Số dư cuối năm	71.116.443	433.135.660	-	504.252.103
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>2.122.850.009</b>	<b>-</b>	<b>7.506.158.050</b>	<b>9.629.008.059</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>2.108.883.557</b>	<b>-</b>	<b>7.506.158.050</b>	<b>9.615.041.607</b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 433.135.660 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 433.135.660 đồng).

**13. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	34.652.902.727
Thanh lý	(34.652.902.727)
Số dư cuối năm	-
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	866.322.570
Khấu hao trong năm	(866.322.570)
Số dư cuối năm	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>33.786.580.157</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 09/BB-TMDK ngày 07 tháng 4 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc thanh lý toàn bộ bất động sản đầu tư của Công ty là hai căn biệt thự Kim Long KL23 và KL25 tại Khu dân cư Phú Long, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc thanh lý đã được thực hiện trong năm.

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án sản xuất thử nghiệm pin mặt trời (*)	1.549.572.606	3.099.145.211

(\*) Thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến dự án sản xuất thử nghiệm Pin mặt trời bằng công nghệ hoá hơi dưới áp lực không khí ("Dự án") tại Công ty PAIC theo Hợp đồng hợp tác giữa Công ty PAIC với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") số 7454/HĐ-DKVN ngày 20 tháng 8 năm 2010. Theo đó, Tập đoàn góp vốn bằng tiền và Công ty PAIC góp vốn bằng nguồn nhân lực. Tổng chi phí phát sinh liên quan đến Dự án là 24.631.310.413 đồng. Ngày 20 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã có Biên bản số 9871/BB-DKVN về việc phê duyệt Dự án với kết quả Dự án không đạt. Giá trị quyết toán được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 1459/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2015 là 19.466.068.395 đồng. Giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được duyệt quyết toán là 5.165.242.018 đồng. Ngày 03 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty PAIC ban hành Quyết định số 404/QĐ-HĐQT thông qua hướng xử lý với phần phát sinh vượt giá trị được duyệt toán. Theo đó, (i) Ông Nguyễn Việt Hùng (nguyên Giám đốc Công ty PAIC) chịu trách nhiệm thanh toán 10% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 516.524.202 đồng; (ii) 90% phần chi phí không được phê duyệt quyết toán với số tiền là 4.648.717.816 đồng thuộc trách nhiệm chung của Công ty PAIC. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 93/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí, chi phí này được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm từ năm 2017 đến năm 2019. Theo đó chi phí liên quan đến Dự án này được phân bổ và ghi nhận vào khoản mục "Chi phí khác" trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018 với số tiền 1.549.572.606 đồng, số còn lại được trình bày trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 1.549.572.606 đồng.

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện số vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim. Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim được thành lập tại Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 262031000068 do Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa cấp ngày 22 tháng 9 năm 2009 là 30 tỷ đồng. Tổng số vốn cam kết góp của Công ty mẹ là 7,5 tỷ đồng, tương ứng với 25% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hậu cần cho Khu kinh tế Nghi Sơn – Thanh Hóa.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.500.000.000	2.500.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(232.729.601)	361.042.903
	<b>2.267.270.399</b>	<b>2.861.042.903</b>
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng tài sản	12.889.767.514	20.305.475.324
Tổng công nợ	4.017.892.769	11.813.712.662
Tài sản thuần	8.871.874.745	8.491.762.662
<b>Phần tài sản thuần của Công ty mẹ trong công ty liên kết</b>	<b>2.267.270.399</b>	<b>2.861.042.903</b>
	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu	24.742.783.240	67.899.584.683
Lỗ sau thuế	(2.375.090.017)	(3.060.629.636)
Lỗ thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(593.772.504)	(765.157.409)

01/25  
 CHI N  
 CÔNG  
 ÍCH NH  
 DELC  
 VIỆT  
 7 - TP

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	3.000.000.000	3.000.000.000
	<b><u>24.000.000.000</u></b>	<b><u>24.000.000.000</u></b>

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	5,5	5,5	Kinh doanh các sản phẩm khí và dầu mỏ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2,0	2,0	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Quảng Ngãi	2,14	2,14	Kinh doanh các sản phẩm xăng dầu, khí, dầu mỏ và các thiết bị liên quan

**16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	4.370.076.549
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	1.679.377.015
Khấu hao trong năm	437.007.655
Số dư cuối năm	2.116.384.670
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<b>2.690.699.534</b>
Tại ngày cuối năm	<b>2.253.691.879</b>

10-002  
 HANH  
 TY  
 KHUU  
 ITTI  
 NAM  
 HO C

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>124.068.438.286</b>	<b>124.068.438.286</b>	<b>51.985.881.994</b>	<b>51.985.881.994</b>
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Nguyễn	68.899.427.902	68.899.427.902	8.757.180.690	8.757.180.690
- Trim Systems Pte Ltd.	-	-	1.900.725.174	1.900.725.174
- Công ty TNHH Mỹ Thuật Sáng Tạo	3.181.952.383	3.181.952.383	3.181.952.383	3.181.952.383
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Kiến Hoa	2.229.925.909	2.229.925.909	2.229.925.909	2.229.925.909
- Penglai Jinwang Abrasive Material Company Limited	21.240.429.720	21.240.429.720	-	-
- Công ty TNHH Nuri Telecom Việt Nam	9.372.500.675	9.372.500.675	-	-
- Phải trả các khách hàng khác	19.144.201.697	19.144.201.697	35.916.097.838	35.916.097.838
<b>b. Phải trả các bên liên quan</b>	<b>10.892.362.943</b>	<b>10.892.362.943</b>	<b>9.192.387.643</b>	<b>9.192.387.643</b>
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.892.362.943	10.892.362.943	9.192.387.643	9.192.387.643
	<b>134.960.801.229</b>	<b>134.960.801.229</b>	<b>61.178.269.637</b>	<b>61.178.269.637</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	12.727.088.730	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	4.380.101.000	4.380.101.000
Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Ngãi - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	2.284.788.000	-
Các khách hàng khác	559.364.360	6.469.414.360
	<b>19.951.342.090</b>	<b>10.849.515.360</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.547.064	-	-	113.547.064
	<b>113.547.064</b>	-	-	<b>113.547.064</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.308.334.321	6.700.122.293	7.970.078.371	38.378.243
Thuế nhập khẩu	-	204.419.232	204.419.232	-
Thuế thu nhập cá nhân	286.382.941	572.185.756	624.174.706	234.393.991
Thuế thu nhập doanh nghiệp	981.983.764	1.636.766.826	1.568.178.132	1.050.572.458
Thuế nhà thầu, thuế khác	-	12.000.000	12.000.000	-
	<b>2.576.701.026</b>	<b>9.125.494.107</b>	<b>10.378.850.441</b>	<b>1.323.344.692</b>



**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	-	23.144.799
Chi phí cung cấp hệ thống pha chế E5- E10	379.836.480	379.836.480
Chi phí dự án trang trí cửa hàng xăng dầu	610.797.991	610.797.991
Chi phí vận hành nhà máy điện Cà Mau	15.743.806.215	1.023.854.342
Dự án Nghi Sơn	209.610.000	823.428.000
Dự án hóa dầu Bình Sơn	-	3.029.292.044
Chi phí phải trả khác	1.063.092.100	1.594.424.424
	<b>18.007.142.786</b>	<b>7.484.778.080</b>

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	5.565.583.890	6.904.892.288
Lãi trả chậm phải trả	1.975.912.346	1.439.914.294
Kinh phí công đoàn	434.016.357	795.340.481
Bảo hiểm thất nghiệp	28.346.092	34.733.089
Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội	479.958.742	556.226.664
Phải trả khác	614.184.825	954.987.718
	<b>9.098.002.252</b>	<b>10.686.094.534</b>

**22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (i)	28.983.883.500	32.848.401.300
Công ty TNHH Nuri Telecom Việt Nam	18.310.378.918	-
	<b>47.294.262.418</b>	<b>32.848.401.300</b>

(i) Tại ngày 15 tháng 10 năm 2012, Công ty mẹ đã ký hợp đồng số 378/PVOIL.TCKT.PETECHIM/06-12/B với Tổng Công ty Dầu Việt Nam về việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là toàn bộ tầng 11 - Tòa nhà Petroland, 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty mẹ. Tổng giá trị hợp đồng là 50.238.731.400 đồng bao gồm tiền sử dụng đất, 2% phí bảo trì tòa nhà và thuê giá trị gia tăng. Khoản nợ này sẽ được trả chậm trong vòng 15 năm (sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng các bên sẽ xem xét lại thời hạn trả chậm). Nợ gốc sẽ được trả theo số tiền cố định bình quân mỗi nửa năm tính trên số năm của hợp đồng và thanh toán lãi trả chậm mỗi nửa năm. Lãi trả chậm được tính dựa trên số dư nợ gốc giảm dần theo năm thanh toán với lãi suất huy động năm hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của năm tính lãi. Giá gốc để tính lãi trả chậm bằng 95% giá trị hợp đồng, 5% còn lại sẽ được gộp vào tính lãi khi Tổng Công ty Dầu Việt Nam thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí. Để hỗ trợ cho Công ty mẹ hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng tài sản, Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa thu khoản nợ gốc trong 2 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng.

Các khoản phải trả người bán dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	3.864.517.800	7.681.587.643
Trong năm thứ hai	13.381.892.621	3.864.517.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	20.386.557.497	11.593.553.400
Sau năm năm	13.525.812.300	17.390.330.100
	<b>51.158.780.218</b>	<b>40.529.988.943</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	3.864.517.800	7.681.587.643
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>47.294.262.418</b>	<b>32.848.401.300</b>

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn cổ phần đã phát hành**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần được phép phát hành	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

Đã được phát hành và góp vốn đủ:

Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
<b>Giá trị - đồng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29,0	58.000.000.000	29,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An	46.200.000.000	23,1	46.200.000.000	23,1
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	14,9	29.800.000.000	14,9
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	22.000.000.000	11,0	22.000.000.000	11,0
Các cổ đông khác	44.000.000.000	22,0	44.000.000.000	22,0
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>35.328.811.660</b>	<b>8.933.818.936</b>	<b>244.262.630.596</b>
Lỗ trong năm	-	-	(967.837.643)	(967.837.643)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	376.300.396	(376.300.396)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(523.258.867)	(523.258.867)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(484.678.577)	(484.678.577)
Giảm khác	-	-	(17.109.090)	(17.109.090)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>35.705.112.056</b>	<b>6.564.634.363</b>	<b>242.269.746.419</b>
Lỗ trong năm	-	-	(30.172.917.810)	(30.172.917.810)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	38.813.650	(38.813.650)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(77.627.305)	(77.627.305)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>35.743.925.706</b>	<b>(23.724.724.402)</b>	<b>212.019.201.304</b>

Trong năm, công ty con đã trích bổ sung các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017 với số tiền lần lượt là 38.313.659 đồng và 77.627.305 đồng.

**24. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của các Công ty con là Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát cụ thể như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Năng Lượng Xanh</b>		
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	20.000.000.000	20.000.000.000
Trong đó:		
- <i>Vốn góp của Công ty mẹ</i>	<i>10.200.000.000</i>	<i>10.200.000.000</i>
- <i>Vốn góp của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>9.800.000.000</i>	<i>9.800.000.000</i>
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>49%</b>	<b>49%</b>
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí</b>		
Vốn cổ phần của công ty con (VND)	42.352.900.000	42.352.900.000
Trong đó:		
- <i>Vốn góp của Công ty mẹ</i>	<i>21.960.000.000</i>	<i>21.960.000.000</i>
- <i>Vốn góp của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>20.392.900.000</i>	<i>20.392.900.000</i>
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>48,15%</b>	<b>48,15%</b>

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đối với giá trị tài sản thuần:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn của cổ đông không kiểm soát	30.192.900.000	30.192.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.042.459.065	1.006.415.215
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	216.000.741	216.000.741
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.562.774.602	785.237.122
	<b>33.014.134.408</b>	<b>32.200.553.078</b>

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	3.071.231.567	5.348.047.910
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	1.497.456.026	2.607.816.946

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại:	Đơn vị	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đô la Mỹ	USD	159.150	148.389
- Euro	EUR	3.232	3.232

**26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác và bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác – kinh doanh mua bán vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí và các dịch vụ khác.  
Bộ phận kinh doanh chất phụ gia xăng dầu – sản xuất và kinh doanh chất phụ gia xăng dầu.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

<b>Số đầu năm</b>	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu	<b>Tổng</b>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	369.865.964.796	56.483.940.476	426.349.905.272
Tổng tài sản hợp nhất			<b>426.349.905.272</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	116.767.762.218	35.111.843.557	151.879.605.775
Tổng nợ phải trả hợp nhất			<b>151.879.605.775</b>
<b>Số cuối năm</b>	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu	<b>Tổng</b>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	379.410.588.277	97.992.532.540	477.403.120.817
Tổng tài sản hợp nhất			<b>477.403.120.817</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	157.944.463.369	74.425.321.736	232.369.785.105
Tổng nợ phải trả hợp nhất			<b>232.369.785.105</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

<b>Năm nay</b>	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu	<b>Tổng</b>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	227.365.310.889	316.692.861.182	544.058.172.071
Giá vốn	203.938.411.026	311.328.343.769	515.266.754.795
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>23.426.899.863</b>	<b>5.364.517.413</b>	<b>28.791.417.276</b>
Chi phí bán hàng			(11.921.773.691)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(37.026.332.936)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh			(20.156.689.351)
Doanh thu hoạt động tài chính			7.087.743.972
Chi phí tài chính			(9.401.141.050)
Lỗ khác			(3.718.825.688)
Lỗ trong công ty liên kết			(593.772.504)
Lỗ kế toán trước thuế			(26.782.684.621)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(1.636.766.826)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(256.010.337)
Lỗ trong năm			<b>(28.675.461.784)</b>
<b>Thông tin khác</b>			
Khấu hao			2.422.448.036



Năm trước	Kinh doanh hàng	Kinh doanh chất	Tổng
	hóa và dịch vụ khác	phụ gia xăng dầu	
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	232.260.138.502	560.214.643.454	792.474.781.956
Giá vốn	<u>195.294.928.294</u>	<u>551.908.257.943</u>	<u>747.203.186.237</u>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b><u>36.965.210.208</u></b>	<b><u>8.306.385.511</u></b>	<b><u>45.271.595.719</u></b>
Chi phí bán hàng			(11.677.682.441)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(29.703.880.821)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh			3.890.032.457
Doanh thu hoạt động tài chính			5.058.581.877
Chi phí tài chính			(7.307.469.227)
Lợi nhuận khác			2.830.257.814
Lỗ trong công ty liên kết			(765.157.409)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			3.706.245.512
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			(2.236.632.768)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			170.366.559
Lãi trong năm			<b><u>1.639.979.303</u></b>
<b>Thông tin khác</b>			
Khấu hao			<u>3.511.404.296</u>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán chất phụ gia xăng dầu	316.692.861.182	560.214.643.454
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	193.728.947.253	232.260.138.502
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	33.636.363.636	-
	<b><u>544.058.172.071</u></b>	<b><u>792.474.781.956</u></b>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn chất phụ gia xăng dầu đã bán	311.328.343.769	551.908.257.943
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	169.577.925.683	195.294.928.294
Giá vốn của bất động sản đầu tư	34.360.485.343	-
	<b><u>515.266.754.795</u></b>	<b><u>747.203.186.237</u></b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa	463.908.922.947	736.491.924.687
Chi phí nhân công	24.423.611.305	27.857.843.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.422.448.036	3.511.404.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.001.142.429	12.956.075.915
Chi phí khác	57.458.736.705	7.767.501.246
	<b><u>564.214.861.422</u></b>	<b><u>788.584.749.499</u></b>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	5.963.295.030	4.916.687.503
Cổ tức, lợi nhuận được chia	745.369.361	100.728.825
Lãi chênh lệch tỷ giá	379.079.581	41.165.549
	<b>7.087.743.972</b>	<b>5.058.581.877</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	426.301.219	5.056.649.503
Lãi trả chậm	2.112.471.847	2.120.656.794
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.908.362	130.162.930
Dự phòng giảm giá đầu tư	6.859.459.622	-
	<b>9.401.141.050</b>	<b>7.307.469.227</b>

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	11.798.661.819	14.420.014.601
Chi phí đồ dùng văn phòng	309.557.154	239.012.624
Chi phí khấu hao	1.330.772.592	2.130.200.385
Chi phí dự phòng phải thu	12.225.051.812	199.903.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.177.704.589	7.453.231.167
Chi phí khác	5.184.584.970	5.261.518.254
	<b>37.026.332.936</b>	<b>29.703.880.821</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	4.194.373.152	5.016.492.496
Chi phí khấu hao	37.753.332	37.707.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.344.378.033	3.746.443.936
Chi phí bằng tiền khác	5.345.269.174	2.877.038.691
	<b>11.921.773.691</b>	<b>11.677.682.441</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế	(26.782.684.621)	3.706.245.512
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.294.329.055	6.876.678.463
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	35.914.515.756	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(3.516.337.117)	600.239.864
<b>Thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>6.909.823.073</b>	<b>11.183.163.839</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.381.964.615</b>	<b>2.236.632.768</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế (năm 2017: 20%).

**34. LỖ CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tính trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trong năm	(28.675.461.784)	1.639.979.303
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát	1.497.456.026	2.607.816.946
- Cổ đông của Công ty mẹ	(30.172.917.810)	(967.837.643)
Trừ: trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	192.616.349
Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(30.172.917.810)	(1.160.453.992)
Số cổ phần bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.509)</b>	<b>(58)</b>

**35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm hoạt động như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	-	23.590.431.443
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	77.105.852.031	78.204.085.617
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	245.033.335.712	274.470.299.497
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	77.105.852.031	78.204.085.617
Phải thu khách hàng và phải thu khác	126.882.504.726	91.279.402.151
Các khoản đầu tư tài chính	91.256.461.986	60.900.000.000
	<b>295.244.818.743</b>	<b>230.383.487.768</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	23.590.431.443
Phải trả người bán và phải trả khác	190.410.744.708	103.326.465.237
Chi phí phải trả	18.007.142.786	7.484.778.080
	<b>208.417.887.494</b>	<b>134.401.674.760</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ ("USD")	4.064.288.184	3.482.361.824	21.428.025.720	2.084.919.174
Bảng Anh ("GBP")	-	-	119.178.264	124.459.931
Euro ("EUR")	85.337.326	87.253.740	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ, Euro và Bảng Anh.

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 3%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Nếu tỷ giá USD tăng/giảm 3% so với đồng Việt Nam thì lợi/sau thuế trong năm sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng là 520.912.126 đồng (năm 2017: giảm/tăng 41.923.280 đồng).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho EUR và GBP, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khoản phải thu khách hàng đã được Công ty trích lập dự phòng.



**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay, và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Số cuối năm</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.105.852.031	-	-	77.105.852.031
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.397.204.246	19.485.300.480	-	126.882.504.726
Các khoản đầu tư tài chính	67.256.461.986	24.000.000.000	-	91.256.461.986
	<b>251.759.518.263</b>	<b>43.485.300.480</b>	-	<b>295.244.818.743</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	143.116.482.290	33.768.450.118	13.525.812.300	190.410.744.708
Chi phí phải trả	18.007.142.786	-	-	18.007.142.786
	<b>161.123.625.076</b>	<b>33.768.450.118</b>	<b>13.525.812.300</b>	<b>208.417.887.494</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>90.635.893.187</b>	<b>9.716.850.362</b>	<b>(13.525.812.300)</b>	<b>86.826.931.249</b>
<b>Số đầu năm</b>	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.204.085.617	-	-	78.204.085.617
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.461.798.791	817.603.360	-	91.279.402.151
Các khoản đầu tư tài chính	36.900.000.000	24.000.000.000	-	60.900.000.000
	<b>205.565.884.408</b>	<b>24.817.603.360</b>	-	<b>230.383.487.768</b>
Các khoản vay	23.590.431.443	-	-	23.590.431.443
Phải trả người bán và phải trả khác	70.478.063.937	15.458.071.200	17.390.330.100	103.326.465.237
Chi phí phải trả	7.484.778.080	-	-	7.484.778.080
	<b>101.553.273.460</b>	<b>15.458.071.200</b>	<b>17.390.330.100</b>	<b>134.401.674.760</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>104.012.610.948</b>	<b>9.359.532.160</b>	<b>(17.390.330.100)</b>	<b>95.981.813.008</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Dầu Việt Nam  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tràng An  
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim  
Công ty Cổ phần hàng không Vietjet

**Mối quan hệ**

Cổ đông  
Cổ đông  
Công ty liên kết  
Bên liên quan khác

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>28.369.113.513</u>	<u>15.730.050.812</u>
<b>Mua hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>4.870.445.455</u>	<u>811.254.545</u>
<b>Cổ tức nhận được</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	150.000.000	100.728.825
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (VJC)	<u>595.370.001</u>	<u>-</u>
<b>Lãi trả chậm</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>2.621.253.984</u>	<u>2.120.656.794</u>
<b>Mua cổ phiếu</b>		
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (VJC)	<u>37.027.459.622</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>1.524.030.435</u>	<u>2.449.800.959</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>35.489.769.932</u>	<u>16.466.736.451</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>10.892.362.943</u>	<u>9.192.387.643</u>
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>28.983.883.500</u>	<u>32.848.401.300</u>
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>		
Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (VJC)	<u>37.027.459.622</u>	<u>-</u>

0-002-  
ANH  
TY  
HỮU  
TTE  
AM  
iô chí

**37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

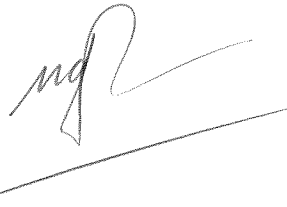
Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 1.975.912.346 đồng (năm trước: 1.463.059.093 đồng), là số lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền là 876.932.661 đồng (năm trước: 64.188.720 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền cổ tức chia trong năm không bao gồm số tiền là 5.587.317.990 đồng (năm trước: 6.904.892.288 đồng), là số cổ tức phát sinh nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



**Phạm Thị Hồng Yến**  
Người lập biểu



**Nguyễn Ngọc Anh**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Thị Bích Hà**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2019

